

**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
XÃ THƯỢNG GIÁO
(1930 - 2015)**



CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
(1890-1969)
NGƯỜI SÁNG LẬP VÀ RÈN LUYỆN ĐẢNG TA



**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ THƯỢNG GIÁO
HUYỆN BA BÈ - TỈNH BẮC KẠN**

**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
XÃ THƯỢNG GIÁO
(1930 - 2015)**

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

ĐẠI HỌC QUỐC GIA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
XÃ THƯỜNG GIẢO
(1930 - 2015)

PHẦN MỘT: NHỮNG NĂM ĐẦU

BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

Hoàng Thị Thiêm

Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND - Trưởng ban

Lường Văn Hiệp

Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy - Phó ban

Ma Thế Tuấn

Phó Bí thư, Chủ tịch UBND - Phó ban

Ma Thế Hùng

Phó Chủ tịch UBND - Ủy viên

Hoàng Văn Giáo

Chủ tịch Ủy ban MTTQ - Ủy viên

Nguyễn Viết Thơi

Chủ tịch Hội Cựu chiến binh - Ủy viên

BAN SƯU TẦM TƯ LIỆU

Nguyễn Viết Phát

Nguyên Phó Bí thư Thường trực - Trưởng ban

Ma Thế Tuấn

Phó Bí thư, Chủ tịch UBND - Phó ban

Ma Thế Hùng

Phó Chủ tịch UBND - Ủy viên

Hà Văn Chung

Phó Chủ tịch HĐND - Ủy viên

Hoàng Thăng Quân

Phó Chủ tịch UBND - Ủy viên

Ma Văn Biên

Xã đội trưởng - Ủy viên

Trần Văn Ngự

Trưởng Công an - Ủy viên

Hoàng Văn Giảo

Chủ tịch Ủy ban MTTQ - Ủy viên

Hoàng Thăng Dân

Bí thư Đoàn Thanh niên - Ủy viên

Hoàng Thị Nương

Chủ tịch Hội Phụ nữ - Ủy viên

Hoàng Văn Đình

Chủ tịch Hội Nông dân - Ủy viên

Nguyễn Viết Thơi

Chủ tịch Hội Cựu chiến binh - Ủy viên

Ma Thế Lê

Cán bộ Văn hóa xã hội - Ủy viên

BAN NGHIÊN CỨU - BIÊN SOẠN

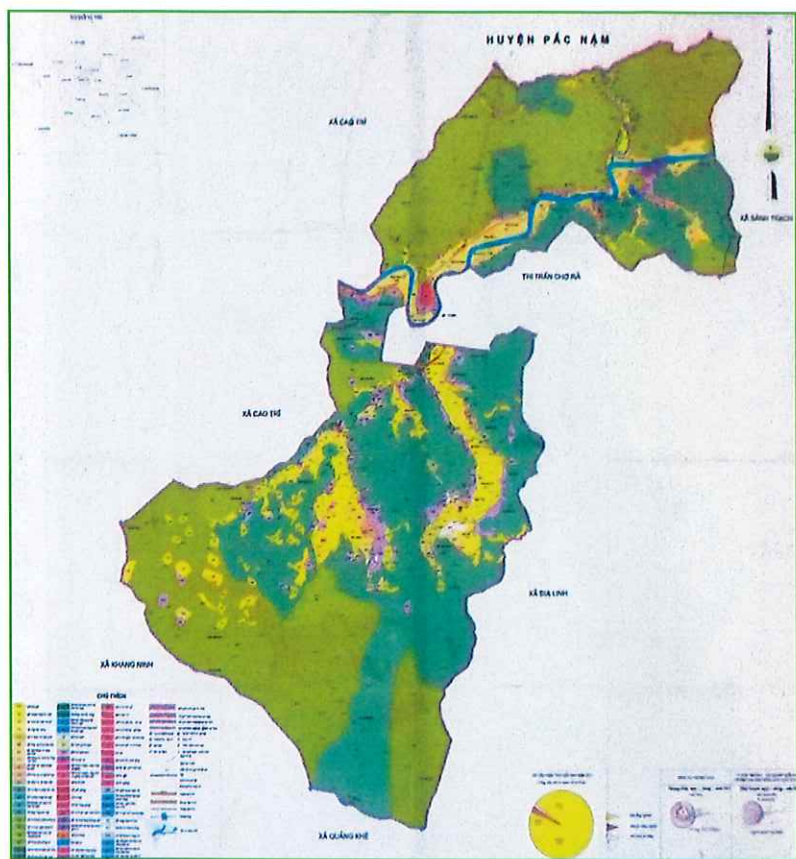
Thạc sĩ Lịch sử: **Nguyễn Thanh Hải**

Thạc sĩ Lịch sử: **Chu Quang Khánh**

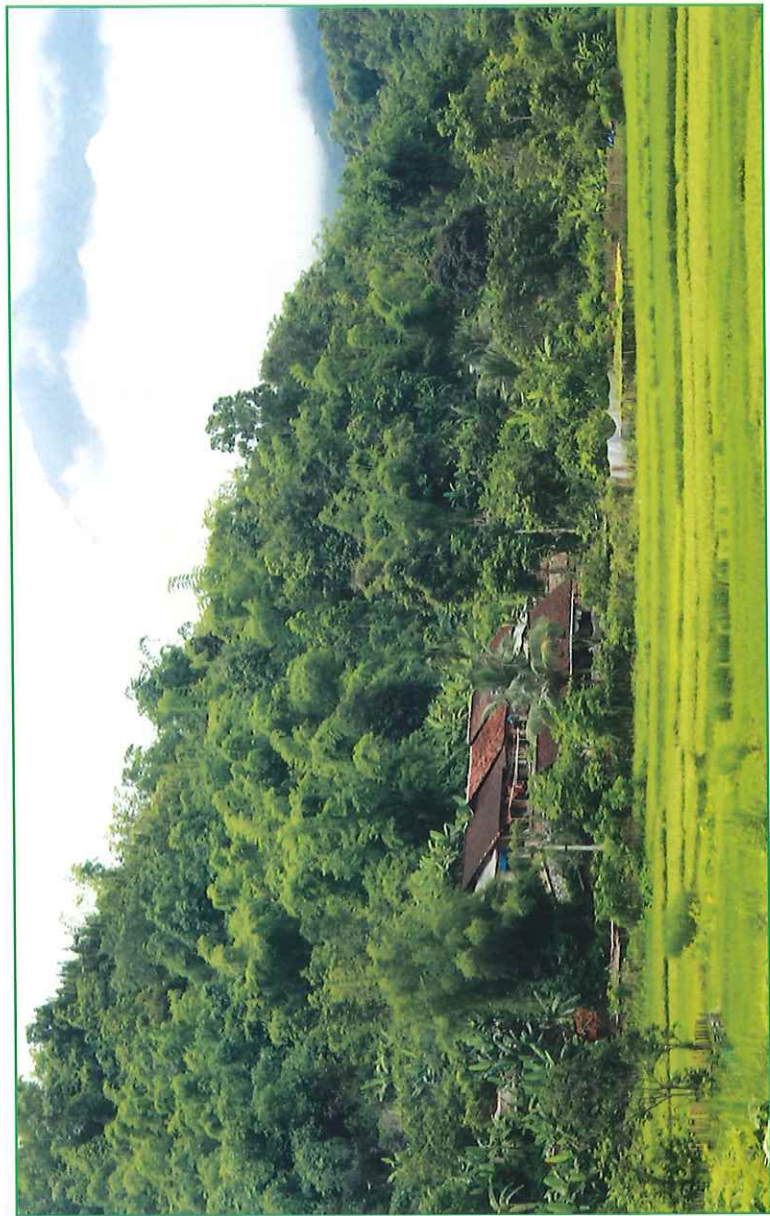
Cử nhân Lịch sử: **Nguyễn Thị Hải Yến**

Cử nhân Lịch sử: **Vũ Đức Nam**

Cố vấn khoa học: **PGS. TS Phạm Xuân Mỹ**



Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Thượng Giáo



Một góc vùng quê xã Thượng Giáo

BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN



Hoàng Thị Thiêm
Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND
Trưởng ban



Lương Văn Hiệp
PBT Thường trực Đảng ủy
Phó ban



Ma Thế Tuấn
PBT, Chủ tịch UBND xã
Phó ban



Ma Thế Hùng
Phó Chủ tịch UBND xã
Ủy viên



Hoàng Văn Giáo
Chủ tịch UBMTTQ xã
Ủy viên



Nguyễn Viết Thới
Chủ tịch Hội Cựu chiến binh
Ủy viên

BAN SƯU TẦM TƯ LIỆU



Nguyễn Viết Phát
*Nguyên PBT Thường trực
Trưởng ban*



Ma Thế Tuấn
*PBT, Chủ tịch UBND xã
Phó ban*



Ma Thế Hùng
*Phó Chủ tịch UBND xã
Ủy viên*



Hà Văn Chung
*Phó Chủ tịch HĐND xã
Ủy viên*



Hoàng Thăng Quân
*Phó Chủ tịch UBND xã
Ủy viên*



Ma Văn Biên
*Xã đội trưởng
Ủy viên*



Trần Văn Ngự
*Trưởng Công an
Ủy viên*

BAN SƯ TẦM TƯ LIỆU



Hoàng Văn Giảo
Chủ tịch Ủy ban MTTQ
Ủy viên



Hoàng Thăng Dân
Bí thư Đoàn Thanh niên
Ủy viên



Hoàng Thị Nương
Chủ tịch Hội Phụ nữ
Ủy viên



Hoàng Văn Đình
Chủ tịch Hội Nông dân
Ủy viên



Nguyễn Viết Thới
Chủ tịch Hội Cựu chiến binh
Ủy viên



Ma Thế Lê
Cán bộ Văn hóa xã hội
Ủy viên



Hội thảo Lịch sử Đảng bộ xã Thường Giáo (1930-2015)

LỜI GIỚI THIỆU

Thượng Giáo là một xã miền núi nằm ở cụm trung tâm huyện Ba Bể. Đây là vùng đất có bề dày lịch sử, văn hóa và cách mạng. Con người Thượng Giáo luôn cần cù, sáng tạo trong lao động, sản xuất, anh dũng, kiên cường trong đấu tranh bảo vệ quê hương đất nước.

Mùa xuân năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời tạo nên bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, truyền thống yêu nước của nhân dân địa phương càng được phát huy cao độ, góp phần làm nên cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 vĩ đại, chấm dứt chế độ thực dân phong kiến, giành lại quyền độc lập, tự do cho dân tộc.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, xã Thượng Giáo bắt tay vào thực hiện nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Thông qua các cuộc đấu tranh, nhiều quần chúng ưu tú được đứng trong hàng ngũ của Đảng, tạo tiền đề cho sự ra đời của Chi bộ Đảng xã năm 1947. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chi bộ Đảng, nhân dân Thượng Giáo đã anh dũng, kiên cường chống lại các cuộc tấn công của địch, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng hậu phương vững mạnh, chi viện sức người, sức của cho sự nghiệp

giải phóng đất nước trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Với những thành tích nổi bật, ngày 28-4-2000, theo Quyết định số 160-QĐ/CT của Chủ tịch nước, Thượng Giáo được Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

Sự trưởng thành của Chi bộ Đảng Thượng Giáo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là yếu tố quan trọng dẫn đến việc thành lập Đảng bộ xã Thượng Giáo năm 1978, góp phần tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng với phong trào cách mạng ở địa phương.

Bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng bộ xã Thượng Giáo tiếp tục lãnh đạo nhân dân phát huy truyền thống yêu nước, tinh thần cần cù, sáng tạo, từng bước vượt qua thử thách, xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, văn minh.

Để ghi nhận những truyền thống quý báu, những thành tựu trong đấu tranh cách mạng cũng như trong lao động sản xuất, xây dựng quê hương, đất nước của Đảng bộ và nhân dân xã, đồng thời, giáo dục tinh thần yêu nước cho thế hệ trẻ, thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW, ngày 28-2-2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX), chủ trương của Tỉnh ủy Bắc Kạn, Huyện ủy Ba Bể về công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng bộ cơ sở, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Thượng Giáo nhiệm kỳ 2010-2015 đã ra Nghị quyết số 10-NQ/ĐU ngày 31-5-2013 về việc sưu tầm, nghiên cứu, biên soạn và xuất bản cuốn sách: **“Lịch sử Đảng bộ xã Thượng Giáo (1930-2015)”**.

Cuốn sách ghi lại những chặng đường cách mạng đầy gian khổ, hy sinh nhưng cũng rất vinh quang của Đảng bộ

và nhân dân xã Thượng Giáo dưới sự lãnh đạo của Đảng. Những trang sử vàng đó đã và đang tạo ra sức mạnh cho Thượng Giáo vững bước trong công cuộc đổi mới, xây dựng quê hương, đất nước ngày càng giàu đẹp.

Cuốn sách được xuất bản và ra mắt bạn đọc là cả một quá trình cố gắng, nỗ lực của Ban Chấp hành Đảng bộ xã, các đồng chí trong Ban Suu tầm tư liệu, Ban Nghiên cứu - Biên soạn, cũng như sự tham gia nhiệt tình trong việc cung cấp thông tin, tư liệu và đóng góp ý kiến của các đồng chí cán bộ, đảng viên là nhân chứng hoạt động qua các thời kỳ và toàn thể nhân dân trong xã.

Nhân dịp cuốn sách được xuất bản, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Thượng Giáo xin trân trọng cảm ơn sự quan tâm, giúp đỡ của Ban Thường vụ Huyện ủy Ba Bể, Ban Tuyên giáo Huyện ủy Ba Bể, Ban Suu tầm tư liệu, Ban Nghiên cứu - Biên soạn, cán bộ, đảng viên, các đồng chí nguyên là lãnh đạo qua các thời kỳ và nhân dân trong xã đã giúp chúng tôi hoàn thành công trình này.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, song cuốn sách không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Do vậy, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Thượng Giáo rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của các đồng chí cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã cùng bạn đọc gần xa để lần tái bản sau, cuốn sách sẽ được hoàn thiện hơn.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ THƯỢNG GIÁO
BÍ THƯ ĐẢNG ỦY
Hoàng Thị Thiêm

Chương I

XÃ THƯỢNG GIÁO - VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ, VĂN HÓA

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên

Thượng Giáo là xã miền núi, nằm ở cụm trung tâm huyện Ba Bể. Phía bắc giáp xã Nghiên Loan (huyện Pắc Nặm), phía đông giáp xã Bành Trạch, xã Địa Linh và thị trấn Chợ Rã, phía nam giáp xã Quảng Khê, phía tây giáp các xã Khang Ninh và xã Cao Trĩ.

Xã có địa hình đồi núi cao, bị chia cắt bởi các thung lũng kết hợp với những đồi núi thấp, thoải, tạo thành những chân ruộng bậc thang nhỏ hẹp với độ cao từ 400-1.200m so với mặt nước biển. Diện tích tự nhiên của xã là 3.270,55ha, trong đó, đất nông nghiệp là 461,74ha, đất lâm nghiệp là 2.557,71ha, còn lại là đất núi đá và sông, suối.

Thượng Giáo nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa với hai mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10 có gió mùa Đông Nam nóng ẩm, mưa nhiều; mùa khô từ tháng 11 năm trước đến tháng 4 năm sau có gió mùa Đông Bắc khô lạnh. Nhiệt độ trung bình năm khoảng 20°C, lượng mưa là 1.248 mm/năm. Độ ẩm không khí khá cao, thường đạt 83% và không có sự chênh lệch nhiều giữa các tháng trong năm. Nhìn chung, điều kiện khí hậu của xã tương đối thuận lợi cho cuộc sống sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, là xã vùng cao nên vào mùa đông có sương mù, mưa phùn, thời tiết hanh khô; vào mùa mưa do độ dốc lớn, mưa nhiều, dễ xảy ra lũ cuốn, lũ quét làm xói mòn, lở đất của các dãy đồi, núi, ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất cũng như sinh hoạt hàng ngày của người dân.

Xã có nguồn thủy văn khá phong phú. Sông Năng bắt nguồn từ huyện Bảo Lạc (tỉnh Cao Bằng), đoạn chảy qua địa phận xã ở các thôn Mỏ Đá - Nà Ché - Nà Tà - Kéo Sáng - Tin Đồn - Phiêng Chì có chiều dài 7km theo hướng từ đông sang tây. Địa bàn còn có nhiều suối nhỏ như Bản Pục, Nà Ché, Khuổi Slun. Các suối đều bắt nguồn từ khe nhỏ trong núi chảy xuống sông Năng. Tính chung, toàn xã có 64,06ha diện tích mặt nước. Đây là nguồn nước tự nhiên được nhân dân khai thác phục vụ cho hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp và sinh hoạt.

Năm 2010, tổng diện tích lâm nghiệp toàn xã là 2.557,71ha, trong đó 1.694ha là rừng sản xuất, còn lại là

rừng phòng hộ. Trong rừng, trữ lượng gỗ quý và động vật quý hiếm hầu như không còn.

Tóm lại, điều kiện thời tiết, khí hậu của địa phương khá thuận lợi cho sản xuất nông, lâm nghiệp, phát triển theo hình thức canh tác vườn đồi, gia trại, trang trại... Tuy nhiên, Thượng Giáo cũng gặp phải nhiều khó khăn khi quỹ đất để phát triển xây dựng hẹp do địa hình đồi núi chiếm tỷ lệ lớn, diện tích đất nông nghiệp bằng phẳng đưa vào sử dụng không nhiều. Bởi vậy, xã cần có hướng đi đúng để phát triển kinh tế trong giai đoạn tới, thích hợp với điều kiện tự nhiên và vị trí địa lý đặc thù.

2. Điều kiện kinh tế - xã hội

Tính đến năm 2015, dân số xã có 861 hộ với 3.608 nhân khẩu, mật độ đạt 110 người/km² với 5 dân tộc chính (Tày, Dao, Nùng, Kinh, Mông) cùng chung sống tại 15 thôn, bản. Trong đó, người Tày chiếm 55,7% dân số, người Dao chiếm 18,56% dân số, người Nùng chiếm 18,29% dân số, người Kinh¹ chiếm 5,62% dân số, người Mông chiếm 1,83% dân số².

Đa số nhân dân cư trú theo tập quán sản xuất nông nghiệp, do đó hình thành các thôn, bản dân cư ven các sông, suối. Một số khác sinh sống dọc các trục đường chính và ở khu trung tâm xã.

1. Người Kinh ở Thượng Giáo chủ yếu là nhân dân Thái Bình lên xây dựng kinh tế mới từ năm 1963.

2. Chủ yếu là một bộ phận người Mông du canh du cư qua địa bàn xã bắt đầu từ năm 1997 (xóm Lũng Vài, thôn Nà Ché).

Đại bộ phận nhân dân Thượng Giáo sinh sống bằng canh tác cây lương thực (lúa, ngô, hoa màu...) và trồng rừng nguyên liệu. Một số ít người dân sống bằng sản xuất tiểu thủ công nghiệp (chủ yếu là các cơ sở khai thác vật liệu xây dựng, chế biến gỗ nhỏ). Hiện nay, trên địa bàn xã, có 1 doanh nghiệp tư nhân và 1 hợp tác xã.

Thương mại, dịch vụ trên địa bàn xã phát triển chưa mạnh. Cả xã chỉ có 1 doanh nghiệp tư nhân kinh doanh dịch vụ du lịch. Trong tương lai, đây là lĩnh vực kinh tế được Đảng ủy và chính quyền xã ưu tiên phát triển.

Hệ thống giáo dục địa phương tương đối hoàn thiện. Xã có 1 trường mầm non đặt tại thôn Nà Tạ với 15 giáo viên. Trường tiểu học I đặt tại thôn Nà Tạ với 71 học sinh và 12 giáo viên. Phân trường đặt tại Lũng Vài (thôn Nà Ché) với 10 học sinh và 1 giáo viên. Trường tiểu học II có điểm chính đặt tại thôn Khuổi Slun với 61 học sinh và 11 giáo viên. Trường còn có phân trường tại Bản Pục với 33 học sinh và 3 giáo viên. Trường trung học cơ sở đặt tại tiểu khu 10, thị trấn Chợ Rã, gồm có 23 giáo viên và 217 học sinh.

Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân luôn được quan tâm. Trạm y tế của xã đặt tại thôn Nà Hán với 10 giường bệnh, 5 nhân viên. Cán bộ y tế xã hàng năm tổ chức khám và chữa bệnh cho 3.200-3.500 lượt người. Năm 2014 trở về trước, trên 90% người dân được cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí. Công tác tiêm chủng đạt hiệu quả cao. Tháng 12-2010, xã Thượng Giáo được công nhận đạt chuẩn bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã.

Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân địa phương được nâng lên. Các hoạt động văn hóa, thể dục - thể thao được duy trì và phát triển, nhất là vào các dịp lễ, tết. Các thôn đều có đội văn nghệ, 14/15 thôn đã có nhà họp thôn.

Hệ thống đường giao thông tương đối đồng bộ, tạo thuận tiện trong việc đi lại của người dân. Xã có Tỉnh lộ 258, Quốc lộ 279 chạy qua với tổng chiều dài 1,5km. Quốc lộ 279 nối từ tiểu khu 3 thị trấn Chợ Rã cắt qua địa phận phía bắc thôn Nà Hán và phần chiều dọc đông - tây của thôn Phiêng Chì vào xã Cao Trĩ. Tỉnh lộ 258 gồm 2 nhánh: đường chính từ tiểu khu 3 đi cắt qua thôn Nà Tạ và thôn Nà Ché lên xã Nghiên Loan của huyện Pác Nặm; đoạn 258B nối tiếp từ cầu Tin Đồn đi qua một phần đất các thôn Tin Đồn, Nà Tạ.

Ngoài ra, xã còn có 40,6km các tuyến đường liên thôn, ngõ xóm và nội đồng. Hiện nay, địa phương đã bê tông hóa các tuyến đường tiểu khu 11 - Nà Săm - Khuổi Slun, Quốc lộ 279 - Nà Hán, tiểu khu 1 - Nà Khuổi. Tuyến Quốc lộ 279 - Bản Pục - Khuổi Mòn đang được thi công và dự kiến đến cuối năm 2015 sẽ hoàn thành.

Trước đây, khi các tuyến đường chủ yếu là đường mòn thì phương tiện di chuyển chính của người dân là ngựa thồ, đi bộ, chuyên chở đường sông bằng bè mảng. Ngày nay, khi đời sống vật chất, tinh thần phát triển, các tuyến đường được nâng cấp, mở rộng, phương tiện giao thông chủ yếu là xe đạp, xe máy, ô tô, xuồng máy.

Mạng lưới kênh mương nội đồng của xã dần được hoàn thiện với chiều dài là 19,21km, 15 đập phục vụ tưới tiêu cho 70% diện tích đất nông nghiệp. Trong đó, 6,51km kênh mương (chiếm 33,89%) đã được bê tông hóa. Mặc dù vậy, các công trình hiện nay đã xuống cấp, cần được nâng cấp, sửa chữa.

Về nước sinh hoạt, trên địa bàn xã, trên địa bàn xã, có 15/15 thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh.

Đối với mạng lưới điện, xã có 34,5km đường dây hạ thế và trung thế, 7 trạm biến áp với tổng công suất là 410KVA, đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của nhân dân. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn là 97,3%.

Công tác xóa đói giảm nghèo tại địa phương có nhiều cố gắng. Từ năm 2007-2014, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh, bình quân thu nhập đầu người và sản lượng lương thực tăng đáng kể. Năm 2007, tỷ lệ hộ nghèo là 49%, sản lượng lương thực toàn xã đạt 1.500 tấn, bình quân lương thực đạt 450 kg/người/năm. Đến cuối năm 2014, tỷ lệ hộ nghèo còn 11,9%, sản lượng lương thực là 1.704,7 tấn, bình quân lương thực đạt mức 472 kg/người/năm.

Mặc dù còn rất nhiều khó khăn, thử thách, song với tinh thần đoàn kết, vượt khó, phát huy nội lực của địa phương, Đảng bộ và nhân dân xã Thượng Giáo đã và đang quyết tâm xây dựng chiến lược phát triển kinh tế phù hợp với điều kiện của xã. Từ đó, tạo nên diện mạo mới cho quê hương, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của

nhân dân, tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đáp ứng công cuộc đổi mới và hội nhập của đất nước.

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ, VĂN HÓA

1. Quá trình hình thành

Xã Thượng Giáo, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn là vùng đất cổ, có con người sinh sống từ xa xưa. Trải qua những thăng trầm của lịch sử đất nước, nhân dân các dân tộc trong xã luôn sát cánh bên nhau, chống lại các thế lực thù địch để sinh tồn và phát triển.

Từ thời Lý - Trần, Thượng Giáo thuộc đất huyện Vĩnh Thông, châu Thượng Nguyên rồi trấn Thái Nguyên. Năm Bính Tuất niên hiệu Quang Thuận thứ 7 (năm 1466), vua Lê Thánh Tông đã phân nước Đại Việt làm 12 đạo thừa tuyên, Thượng Giáo thuộc châu Bạch Thông, phủ Thông Hóa, thừa tuyên Thái Nguyên (sau đó là trấn Thái Nguyên). Năm 1831, vua Minh Mạng nhà Nguyễn chia lại địa giới hành chính, đổi trấn thành tỉnh, trấn Thái Nguyên đổi thành tỉnh Thái Nguyên. Thượng Giáo thuộc châu Bạch Thông, phủ Thông Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

Trong những năm từ 1884-1889, thực dân Pháp lần lượt đem quân đánh chiếm các tỉnh ở Đông Bắc. Ngày 11-4-1900, Toàn quyền Đông Dương đã ra nghị định tách một phần đất phía bắc của tỉnh Thái Nguyên thành lập tỉnh Bắc Kạn gồm các châu Bạch Thông, Chợ Rã, Thông Hóa, Cẩm Hóa. Trước năm 1945, địa bàn Thượng Giáo

ngày nay thuộc tổng Thượng Giáo, châu Chợ Rã, tỉnh Bắc Kạn¹.

Từ tháng 3-1945 đến 6-1-1946, xã được thành lập, gồm các bản: Nà Ché, Nà Tạ, Phja Mèo, Kéo Sáng, Chợ Cầu, Phiêng Chi, Pẹc Pàn, Nà Khuổi, Nà Mạn, Nà Pải, Bản Pục, Khuổi Mòn, Nà Săm, Khuổi Slun, Phja Khao, Phai Sloáng...

Những năm 1960, xã Thượng Giáo có xã có 7 thôn gồm: Nà Ché, Phố cũ, Phiêng Chi, Bạch Bàn, Bản Pục, Nà Săm, Khuổi Slun.

Năm 1965, tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn hợp nhất thành tỉnh Bắc Thái, xã Thượng Giáo thuộc huyện Chợ Rã, tỉnh Bắc Thái. Năm 1978, xuất phát từ yêu cầu bảo vệ Tổ quốc, để có hậu phương cho tỉnh Cao Bằng, Quốc hội quyết nghị sáp nhập hai huyện Ngân Sơn và Chợ Rã của Bắc Thái vào tỉnh Cao Bằng. Ngày 6-11-1984, theo Quyết định số 144/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng, huyện Chợ Rã đổi tên thành huyện Ba Bể, Thượng Giáo thuộc huyện Ba Bể, tỉnh Cao Bằng.

Ngày 1-1-1997, tỉnh Bắc Thái được tách thành 2 tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên, 2 huyện Ba Bể và Ngân Sơn trở về tỉnh Bắc Kạn. Theo đó, xã Thượng Giáo thuộc huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

Năm 1998, Chính phủ ra Quyết định 364/1998/QĐ về điều chỉnh địa giới hành chính, tách 5 thôn (Phố Cũ, Bạch

1. Tổng Thượng Giáo lúc đó bao gồm các xã: Thượng Giáo, Nghiên Loan, Địa Linh, Cao Trĩ.

Bàn, Phai Sloáng, Nà Tồ, Pác Co) của xã Thượng Giáo gồm 311 hộ, 1.200 khẩu về thị trấn Chợ Rã. Năm 2000, xã lập thêm thôn Tin Đồn¹. Từ đó, xã Thượng Giáo có 13 thôn, bản gồm: Nà Ché, Mỏ Đá, Nà Tạ, Tin Đồn, Phiêng Chì, Nà Hán, Nà Khuổi, Nà Mặn, Bản Pục, Khuổi Mòn, Phja Khao, Nà Săm và Khuổi Slun. Trong đó, 4 thôn vùng cao đặc biệt khó khăn là Khuổi Mòn, Phja Khao, Khuổi Slun, Nà Săm. Đến năm 2005, thôn Kéo Sáng được thành lập. Năm 2009, thôn Nà Săm được tách thành 2 thôn Nà Săm và Pác Phai.

2. Truyền thống lịch sử, văn hóa

Trong suốt chiều dài lịch sử, trải qua quá trình đấu tranh với thiên nhiên khắc nghiệt, xây dựng và bảo vệ quê hương, nhân dân Thượng Giáo đã hình thành nên truyền thống đoàn kết, gắn bó lâu đời trong lao động sản xuất và chiến đấu. Những đức tính tốt đẹp cùng các giá trị vật chất và tinh thần phong phú đã góp phần tạo nên cốt cách của cư dân nơi đây.

Truyền thống văn hóa

Thượng Giáo có truyền thống văn hóa phong phú, đa dạng của nhiều dân tộc, đan xen giữa miền ngược và miền xuôi. Nét đẹp văn hóa mỗi dân tộc được thể hiện ở nhiều phương diện khác nhau như trang phục, ẩm thực, phong tục tín ngưỡng...

1. Vị trí của thôn vốn là ở dưới chân đôn giặc Pháp, phía trên trại lính khổ xanh, khổ đỏ nên gọi là Tin Đồn tức là chân Đồn.

Về phương diện tổ chức xã hội, cư dân Tày, Nùng chủ yếu sống ở các bản ven đường, cạnh sông, suối hay thung lũng bằng nghề nông trồng lúa nước. Các gia đình trong bản và các thành viên hợp lại thành một cộng đồng dân cư và có tổ chức. Đơn vị xã hội nhỏ nhất của người Tày, Nùng là gia đình phụ hệ, người cha hay người chồng làm chủ toàn bộ tài sản và quyết định mọi công việc trong gia đình.

Nhà sàn người Tày phổ biến gồm hai loại là: sàn 2 mái và sàn 4 mái. Nếu là nhà sàn 4 mái thì 2 mái đầu hồi bao giờ cũng thấp hơn hai mái chính. Cửa có thể mở ở mặt trước hoặc đầu hồi. Cầu thang lên xuống bằng tre hoặc gỗ, số bậc bao giờ cũng lẻ, không dùng bậc chẵn. Đồng bào Nùng thì ở nhà nửa sàn, nửa đất. Ngày nay, hầu hết người dân trên địa bàn xã làm nhà giống của người Kinh, xây gạch lợp ngói đỏ hoặc đổ mái bằng, hướng nhà nhìn ra cánh đồng hay dòng suối. Cách bố trí chỗ ăn, chỗ ở khoa học, thuận lợi cho sinh hoạt và lao động sản xuất.

Trang phục cổ truyền của người Tày được làm từ vải sợi bông tự dệt, nhuộm chàm đồng nhất ở cả nam và nữ, hầu như không có hoa văn trang trí. Quần áo nam giới đơn giản với chiếc áo ngắn, xẻ ngực, cài 5 cúc trước ngực. Quần rộng có thể cử động dễ dàng. Nữ giới thường mặc áo cánh, thắt lưng, khăn đội đầu, đi hài vải. Phụ nữ Tày còn thắt lưng bằng những tấm vải chàm hay dũi dài khoảng 2 sải tay làm tăng thêm vẻ duyên dáng. Trong những ngày lễ tết, hội hè, đồng bào thường mặc thêm áo

trắng ở bên trong. Những cô gái Nùng thường dịu dàng với áo 5 thân màu chàm được trang trí bằng nhiều miếng vải khác màu trên cổ tay áo và phía trước ngực; phụ nữ Dao đầu đội khăn...

Về ăn uống, tùy theo từng tộc người mà cách thức chế biến thức ăn và khẩu vị của cư dân có hương vị riêng. Việc nấu ăn của cư dân Tày, Nùng một mặt có những sáng tạo, một mặt tiếp thu kỹ thuật chế biến của các tộc người lân cận như Hoa, Việt... Họ chế biến ngô một cách tinh tế, ngô được giã hay xay nhỏ để nấu với cơm, làm các loại bánh. Thức ăn chính là gạo tẻ nhưng việc chế biến món ăn từ gạo nếp được chú trọng hơn. Trong ngày lễ tết, cốm, các loại xôi màu, bánh chưng gù (pèng ben) và bỏng ép (khẩu sli) là những món ăn đặc biệt hấp dẫn. Ngoài ra, còn có thịt lợn quay, vịt quay. Bữa ăn mang tính bình đẳng, nhân ái. Tất cả các thành viên trong nhà ăn chung một mâm, khách đến nhà rất được ưu ái, nể trọng.

Về tín ngưỡng, người Tày, Nùng hướng niềm tin của con người tới thần bản mệnh, trời đất, tổ tiên. Các thần linh của họ rất đa dạng như thần núi, thần sông, thần đất, thần lửa, ngoài ra, còn có các vua, Giàng Then. Ý thức cộng đồng được phát triển qua việc thờ thần bản mệnh của bản. Ý thức về gia đình, dòng họ được củng cố thông qua việc thờ phụng tổ tiên. Mỗi gia đình có một bàn thờ tổ tiên đặt ở vị trí trang trọng nhất trong nhà. Bên cạnh đó, địa phương còn một bộ phận bà con theo đạo Phật và hai nhóm theo đạo Thiên Chúa giáo và Tin lành.

Về hôn nhân, việc kết hôn của đồng bào Tày diễn ra không quá phức tạp. Bước đầu tiên là Sam mình (hỏi xem lộc mệnh của người con gái). Nếu thấy hợp nhau, cô con gái có đủ điều kiện để về làm dâu nhà mình thì nhà trai sẽ tiến hành lễ dạm hỏi vợ cho con (Páo mình). Hai bên gia đình bàn bạc thấy thuận lợi mới tiến hành làm lễ ăn hỏi (Kê khai). Theo tục lệ, trước lễ cưới một vài hôm, nhà trai phải mang đầy đủ sính lễ như đã thỏa thuận ở lễ ăn hỏi sang cho nhà gái mới được tổ chức cưới. Lễ cưới được tổ chức ở cả hai bên, tiến hành trong 2 ngày và nhà gái tổ chức trước nhà trai một ngày. Ngày nay, quan niệm về hôn nhân đã tiến bộ hơn, những hủ tục khắt khe, lạc hậu đã được lược bỏ nhưng vẫn lưu giữ được những nét văn hóa đặc trưng của địa phương.

Vốn văn học cổ của đồng bào dân tộc nơi đây khá phong phú gồm: văn học truyền miệng và văn học viết. Nghệ thuật phát triển sớm và đạt trình độ cao về nhiều mặt: ca hát, âm nhạc, múa, diễn xướng. Hát then, hát lượn, hát sli được dùng vào các mục đích sinh hoạt khác nhau. Bộ nhạc cụ như đàn tính, lúc lắc có mặt trong tất cả những sinh hoạt văn hóa tinh thần của người Tày.

Sinh hoạt lễ hội ở Thượng Giáo được đúc kết qua quá trình lịch sử lâu dài, gắn bó và gần gũi của người dân qua nhiều đời, là niềm tự hào của cả cộng đồng.

Lễ hội lớn nhất là hội Lồng Tồng (hội xuống đồng) được tổ chức từ ngày 4-6 tháng giêng âm lịch hàng năm, gồm 2 phần: lễ và hội. Nghi lễ chính là rước thần đình

và thần nông ra nơi mở hội ở ngoài đồng, một bữa ăn được tổ chức ngay tại đây. Phần hội gồm các trò chơi như đánh quay, đánh yến, tung còn, ảo thuật... Hội xuống đồng phần lớn chỉ mang tính nghi lễ, tượng trưng, đơn giản nhưng đã hàm chứa ước mong của đồng bào về mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, con người thạo việc và khỏe mạnh.

Hàng năm, xã đều cử đoàn tham gia Hội xuân Ba Bể do huyện tổ chức (từ ngày 9-11 tháng giêng). Ngày hội có tổ chức đánh bóng chuyền giao hữu với các xã bạn. Ngoài ra, còn có các trò chơi như đánh quay, bịt mắt đánh trống, bắn nỏ, đẩy gậy, tung còn. Buổi tối của ngày hội, có tổ chức cắm trại và giao lưu văn hóa - văn nghệ gồm các điệu múa dân gian, tiếng hát sli, lượn.

Bên cạnh tết Nguyên đán (Bươn Chiêng) và ăn Rằm tháng Bảy (Bươn Chết), người Tày, Nùng ở Thượng Giáo còn có tục Tảo mộ, được tổ chức vào ngày 3-3 âm lịch hàng năm. Vào ngày này, người dân thường đến phần mộ của nhà mình từ sáng sớm, thắp hương xin phép thần thổ địa rồi phát cỏ, vệ sinh khu mộ sạch sẽ và vun đắp đất mới. Khi ngôi mộ được dựng một cây Nêu báo hiệu, người thân tổ chức bày lễ. Đồ lễ gồm: xôi ngũ sắc (khẩu nua dăm đeng), thịt gà, thịt lợn, cá, tôm rán, măng vầu nhồi thịt, bánh lá và nhân trứng kiến (Pềng toong ngỏa), rượu, hương nến, tiền vàng mã, kính cẩn thắp hương lên phần mộ gia đình và rót rượu khấn mời người đã khuất về ăn cỗ; khi đốt cháy tuần hương vàng mã coi như người âm

đã nhận đủ lễ vật mà người dương muốn gửi. Sau đó, tất cả mọi người thụ lộc ngay tại khu mộ. Ngày Tảo mộ còn là dịp để con cháu trong dòng họ đoàn tụ sum vầy, gắn kết tình cảm, chia sẻ nhau trong công việc làm ăn cũng như trong bước đường học tập, nhằm tiếp tục tạo dựng sự nghiệp của tổ tiên, nhắc nhở mỗi người nhớ về quê hương, cội nguồn dân tộc.

Cũng giống như người Tày, Nùng, Tết Thanh minh (Sinh minh) của người dân tộc Dao cũng được tổ chức và tảo mộ vào ngày Thanh minh trong dịp đầu tháng 3 nhưng chủ yếu làm lễ cúng ở trong nhà.

Cư trú ở vùng đất cổ phía đông bắc và là nơi có truyền thống lịch sử, văn hóa, từ xưa nhân dân xã Thượng Giáo đã xây dựng nên những công trình kiến trúc như đền (Slán), chùa... làm nơi thờ tự và sinh hoạt văn hóa tâm linh, tiêu biểu là chùa Phố Cũ.

Thuở ban đầu, chùa Phố Cũ được xây dựng ngay đình Kéo Ngay (cạnh trụ sở xã Thượng Giáo ngày nay). Khi đó, chùa được dựng cây cột gỗ, mái lợp bằng tranh tre. Ngoài thờ Phật, chùa còn thờ ông Trần Vĩnh Khánh (tức Đức Vị). Tương truyền ông Vĩnh Khánh là người giúp dân nên được nhân dân mến mộ.

Năm 1880, với sự hỗ trợ của vua nhà Nguyễn, chùa Phố Cũ được nâng cấp. Lần này, chùa được xây dựng công phu bằng gạch đen già nung như sành hun, mái lợp bằng ngói âm dương với 3 điện thờ. Điện chính tâm thờ Phật, 2 bên điện thờ có tượng hổ... Mỗi bên treo một quả

chuông to có khắc chữ “Hoa Sơn” bằng chữ Hán và một chuông nhỏ hơn được khắc 2 chữ “Chợ Rã”. Trong chùa có 12 lư hương, cửa cổng lên xuống có tượng chó bằng đá canh giữ... Ngoài ra, chùa còn lưu giữ một tấm bia lớn có kích thước rộng 1m, cao 2m. Bia khắc bằng chữ Hán, ghi tên toàn bộ những người góp công sức xây dựng chùa. Hàng tháng, vào ngày rằm, mùng 1 (âm lịch)... nhân dân đến thắp hương, niệm Phật, dâng lễ rất đông. Chùa có 1 vị sãi trông coi.

Năm 2012, chùa được cấp bằng xếp hạng di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 455/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh. Hiện nay, chùa đã được tôn tạo khang trang, đẹp đẽ, trở thành điểm du lịch của du khách trong và ngoài nước.

Truyền thống yêu nước

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta. Không cam tâm chịu làm nô lệ, nhân dân Thượng Giáo và nhân dân các xã trong huyện đã tích cực tham gia vào cuộc khởi nghĩa do Nùng Văn Vân lãnh đạo. Tuy khởi nghĩa thất bại và bị đàn áp dã man nhưng nó đã thể hiện lòng yêu nước, ý chí quật cường của nhân dân ta, thể hiện tình đoàn kết, gắn bó giữa các dân tộc. Khi được Đảng soi đường, chỉ lối, tinh thần yêu nước biến thành sức mạnh to lớn, đánh đổ quân xâm lược, giành độc lập, tự do.

Trải qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ cũng như cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tổ quốc, truyền thống bất khuất, kiên cường đó ngày

càng được hun đúc, tôi luyện. Hàng trăm thanh niên của Thượng Giáo đã đi theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, tình nguyện lên đường chiến đấu, nhiều người trong số họ đã ngã xuống vì độc lập, tự do. Ghi nhận những thành tích đó, ngày 28-4-2000, Đảng bộ và nhân dân xã được Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

Truyền thống đoàn kết trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm lâu đời là sức mạnh tinh thần vô giá của nhân dân địa phương được gìn giữ, phát huy theo bề dày của lịch sử xây dựng, bảo vệ quê hương, đất nước. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, những truyền thống tốt đẹp đó đang được phát huy có hiệu quả, góp phần quan trọng vào công cuộc xây dựng quê hương Thượng Giáo ngày càng phát triển trên con đường đổi mới và hội nhập.

Chương II

NHÂN DÂN XÃ THƯỢNG GIÁO THAM GIA ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN TRONG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1930-1954)

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ, CHÍNH TRỊ, VĂN HÓA - XÃ HỘI DƯỚI THỜI PHÁP THUỘC

Tháng 9-1858, thực dân Pháp nổ súng tấn công bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng). Ngày 13-2-1888, quân Pháp do Xéc-vi-e chỉ huy từ vùng Bảo Lạc, Cao Bằng tiến xuống đánh chiếm châu lỵ Chợ Rã, mở đầu cho sự xâm lược và thống trị vùng đất Chợ Rã nói chung và Thượng Giáo nói riêng.

Thực dân Pháp thành lập bộ máy cai trị ở địa phương trên cơ sở vẫn duy trì hệ thống hành chính của chế độ phong kiến. Chúng chia châu Chợ Rã thành 5 tổng là: Giáo Hiệu, Hà Hiệu, Thượng Giáo, Nam Mẫu và Quảng Khê gồm 25 xã. Vùng đất Thượng Giáo lúc bấy giờ thuộc tổng Thượng Giáo. Cấp châu đứng đầu là tri châu cai quản

về mọi mặt, dưới châu là chánh tổng, lý trưởng. Bên cạnh đó, đối với đồng bào Dao, thực dân Pháp đặt thêm một hệ thống cai trị riêng, đứng đầu là quản chiểu và phó quản chiểu, chánh, phó tổng, động trưởng.

Nhân dân xã Thượng Giáo chủ yếu sống bằng nông nghiệp mang tính tự cấp, tự túc. Ruộng đất tập trung đa số trong tay địa chủ, phú nông, do đó nông dân lao động (chiếm đại bộ phận dân số) chỉ có rất ít ruộng đất. Ngoài hình thức bóc lột bằng tô tức, thực dân Pháp còn đặt ra nhiều loại thuế khác, trong đó thuế thân là vô nhân đạo nhất. Ở Thượng Giáo, vào mùa thu thuế, quan lại điều lính cơ, lính lệ tới từng bản, ra lệnh nếu ai không đóng đủ các loại thuế thì chúng bắt trời lại. Nếu ai chống đối, sẽ dùng nhiều hình phạt hết sức dã man. Ngoài ra, từ năm 1931, chúng tăng các khoản phụ thu vào thuế thân, thuế ruộng lên 15%, đồng thời cho vay nặng lãi cũng tăng thêm 10%. Bên cạnh thuế khóa nặng nề, Pháp còn ráo riết bắt lính, bắt dân ta đi phu phen tạp dịch (phu vàng, phu tàu quốc¹...), xây dựng đồn bốt, làm đường, làm nhà bè nghỉ mát cho chúng ở hồ Ba Bể.

Thượng Giáo nằm ở trung tâm châu Chợ Rã nên trường học được đặt tại đây (có từ lớp 1 đến lớp 4), dạy Quốc ngữ và tiếng Pháp. Tuy nhiên, trường chỉ dành riêng cho con nhà giàu nhằm đào tạo ra đội ngũ tay sai. Với số còn lại, thực dân Pháp triệt để thực hiện chính

1. Hiện nay, thân chiếc tàu vẫn còn ở Nả Chùa.

sách ngu dân để dễ bề cai trị. Chính vì vậy, trên 95% dân số trong xã bị mù chữ (đặc biệt, phụ nữ hoàn toàn không được đi học).

Về y tế, thực dân Pháp không quan tâm tới việc chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Ai ốm đau phải tự tìm đến các thầy lang, thầy cúng để bái cầu cho khỏi bệnh.

Tất cả những âm mưu, thủ đoạn, chính sách thống trị về quân sự, kinh tế, chính trị, văn hóa của thực dân, phong kiến đã khiến cho đời sống của nhân dân Chợ Rã, trong đó có nhân dân Thượng Giáo ngày càng cực khổ và lạc hậu.

Không chịu khuất phục trước sự thống trị và những chính sách đàn áp, bóc lột thậm tệ của bọn cướp nước và bè lũ tay sai, nhân dân các dân tộc Thượng Giáo cùng nhân dân các xã trong châu Chợ Rã nói chung luôn sát cánh cùng nhau nổi dậy đấu tranh chống quân xâm lược.

II. DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, NHÂN DÂN THƯỢNG GIÁO THAM GIA ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN TRONG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

1. Phong trào cách mạng trước năm 1945

Sau khi tìm thấy con đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc đã tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin về nước, chuẩn bị tiền đề chính trị, tư tưởng và tổ chức để tiến tới thành lập một chính Đảng ở Việt Nam. Mùa xuân năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về đường lối cách mạng, mở ra giai đoạn mới cho cách mạng Việt Nam.

Ngày 28-1-1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước sau 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước, trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam. Người đã triệu tập và chủ trì Hội nghị Trung ương 8 tại hang Pác Bó (Cao Bằng). Hội nghị xác định: Nhiệm vụ giải phóng dân tộc là nhiệm vụ bức thiết nhất của cách mạng Đông Dương. Nhiệm vụ trước hết của cách mạng Việt Nam lúc này là phải giành cho được độc lập dân tộc và tự do, hạnh phúc cho đồng bào. Mặt trận Việt Minh ở 3 huyện Hà Quảng, Hòa An và Nguyên Bình (tỉnh Cao Bằng) được xây dựng thí điểm. Từ đây, liên tiếp mở các lớp huấn luyện đào tạo cán bộ địa phương người dân tộc cho các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn.

Ngày 1-8-1941, báo Việt Nam Độc lập (gọi tắt là Việt Lập) ra đời trên căn cứ địa Cao Bằng. Sau đó, trở thành tờ báo của liên Tỉnh bộ Việt Minh Cao - Bắc - Lạng. Sách báo và các tài liệu nói trên đã theo cán bộ và các hội viên cứu quốc từ Cao Bằng xuống Bắc Kạn, Chợ Rã. Đây được coi là “công cụ thần kỳ”, góp phần quan trọng vào việc xây dựng và tổ chức Mặt trận Việt Minh ở Chợ Rã.

Thực hiện chủ trương của lãnh tụ Hồ Chí Minh, các Ban Xung phong Nam tiến phát triển hội Việt Minh do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy tiến xuống Ngân Sơn (Bắc Kạn). Tháng 5-1942, các cơ sở Việt Minh được xây dựng ở xã Thượng Ân và xã Cốc Đán, sau đó là xã Tô Khê. Đó là bàn đạp quan trọng để sang năm 1943, phong trào Việt Minh từ Ngân Sơn phát triển sang các

xã miền đông huyện Chợ Rã và sườn núi Phja Bjoóc (xã Thượng Giáo).

Cuối năm 1942, Ban Chấp hành Việt Minh liên minh 3 xã Cao Tân, Cổ Linh, Cao Thượng được thành lập. Đây là cơ sở cách mạng đầu tiên của huyện Chợ Rã.

Từ tháng 8/1942-3/1943, địch tiến hành khủng bố lần thứ nhất phong trào cách mạng ở Ngân Sơn (Bắc Kạn). Trong đấu tranh cách mạng, một số đồng chí là thanh niên cứu quốc ưu tú trưởng thành, được kết nạp vào Đảng Cộng sản, dẫn đến sự ra đời của Chi bộ Nam tiến do đồng chí Nông Văn Quang (tức Mạc Văn Úc) làm Bí thư. Đây là nhân tố quan trọng cho công tác xây dựng Đảng và phát triển Việt Minh ở Bắc Kạn nói chung và Chợ Rã nói riêng.

Đầu năm 1943, Ban Thường vụ Trung ương Đảng quyết định đẩy mạnh hơn nữa công cuộc chuẩn bị lực lượng mọi mặt cho khởi nghĩa vũ trang. Được sự dẫn đường của đồng bào Dao, cán bộ Nam tiến từ Lũng Cháng (Hà Hiệu) tiến sang Phja Bjoóc (nơi sinh sống chủ yếu của đồng bào Dao - xã Thượng Giáo). Đồng bào Dao ở Phja Bjoóc có quan hệ mật thiết với đồng bào ở huyện Chợ Đồn (Bắc Kạn) và Na Hang (Tuyên Quang). Lực lượng cách mạng được xây dựng ở Phja Bjoóc lấy đó làm bàn đạp sẽ dễ dàng phát triển đến phía nam.

Chỉ sau một thời gian ngắn, ảnh hưởng của Mặt trận Việt Minh lan nhanh sang Nậm Tộc (Yên Dương), lôi cuốn nhiều bản ở sườn núi Phja Bjoóc tham gia hội Việt Minh, trong đó có một số thanh niên ở Thượng Giáo như

Triệu Thị Tàn, Triệu Thị Nhoàng (thôn Phja Khao), Triệu Triều Châu (thôn Khuổi Mòn).

Các buổi lễ kết nạp hội viên lần lượt được tổ chức trong các bản một cách bí mật nhưng nghiêm trang. Các hội viên nguyện một lòng trung thành với Việt Minh, quyết phấn đấu, hy sinh cho độc lập, tự do. Để kỷ niệm cho thắng lợi đầu tiên này, đồng thời ghi nhận cho một cao trào cách mạng đang hình thành, tháng 9-1943, đồng chí Võ Nguyên Giáp đặt tên cho núi Phja Bjoóc là “núi Cứu quốc”.

Phong trào ở Ngân Sơn phát triển mạnh đã đưa đến sự ra đời Chi bộ Đảng đầu tiên ở tỉnh Bắc Kạn, lấy tên là Chi bộ Chí Kiên (9-1943). Đây là cơ sở quan trọng cho công tác xây dựng lực lượng và cơ sở Đảng ở huyện Chợ Rã nói chung và xã Thượng Giáo nói riêng.

Thời gian này, cơ sở Việt Minh ở nhiều bản của xã Thượng Giáo cũng được hình thành. Phong trào phát triển nhanh, thiếu cán bộ để lãnh đạo nên cán bộ Nam tiến chọn những hội viên cứu quốc là thanh niên ưu tú trong các dân tộc, mở lớp huấn luyện chương trình, Điều lệ Việt Minh và phương pháp vận động, tổ chức hội tại Bành Trạch, Phúc Lộc, Lũng Cháng (Hà Hiệu). Đến cuối năm 1943, hầu hết các bản người Dao và một số bản của người Tày, Nùng ở Thượng Giáo đã có cơ sở Việt Minh. Trên cơ sở lực lượng chính trị phát triển, đội tự vệ cũng được tổ chức ở Thượng Giáo. Lực lượng tự vệ được huấn luyện về trình độ tổ chức, chỉ huy chiến đấu và năng lực tác chiến.

Cuối năm 1943 đầu năm 1944, thực dân Pháp mở cuộc khủng bố lớn vào phong trào cách mạng Việt Bắc, trước hết là các tỉnh Cao - Bắc - Lạng. Quân lính cùng đám tay sai tri châu, châu đoàn ngày đêm lùng sục. Nhân cơ hội đó, bọn chức sắc địa phương bắt dân nộp bạc trắng để chuộc tội. Đặc biệt, bọn địch dùng chiến thuật “tát nước bắt cá” dồn dân, dồn bản đặt dưới sự kiểm soát của chúng. Bà con phải bỏ nhà chạy vào hang lánh nạn, sống trong rừng, rơi vào tình trạng hết sức bi thảm, thiếu lương thực, thực phẩm, vệ sinh kém... khiến nhiều người chết.

Một số đồng bào vượt mọi khó khăn, thiếu thốn vẫn bí mật tổ chức lực lượng và bảo vệ cơ sở, liên lạc, đón cán bộ về chỉ đạo phong trào. Tháng 4-1944, cán bộ Nam tiến từ Cao Bằng tổ chức nhiều đợt xuống Phja Bjoóc cùng có các hội Việt Minh...

Trong thực tế đấu tranh cách mạng, đồng bào các dân tộc Tày, Nùng, Dao... đoàn kết, cùng giúp đỡ, động viên nhau giữ vững tinh thần cách mạng. Trong đấu tranh, xuất hiện nhiều tấm gương trung kiên, bất khuất... Nhờ đó, phong trào và cơ sở cách mạng của xã nhanh chóng được phục hồi.

2. Nhân dân xã Thượng Giáo tham gia khởi nghĩa giành chính quyền năm 1945

Đầu năm 1945, tình hình thế giới có nhiều biến động mới có lợi cho sự nghiệp cách mạng của nước ta. Tại Đông Dương, mâu thuẫn giữa phát xít Nhật và thực dân Pháp càng trở nên gay gắt. Ngày 9-3-1945, phát xít

Nhật đảo chính Pháp, độc chiếm Đông Dương. Ngày 12-3-1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị: “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” với khẩu hiệu: “Đánh đuổi phát xít Nhật”, phát động cao trào kháng Nhật, cứu nước, tiến tới toàn dân khởi nghĩa vũ trang khi thời cơ cách mạng đến.

Ngay sau đó, Ban Thường vụ liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng họp tại Lam Sơn (Hòa An, Cao Bằng) quyết định: đánh đổ ách thống trị của Pháp ở nông thôn, tùy từng nơi thành lập chính quyền nhân dân từ cấp xã đến cấp tỉnh; phân phối cán bộ đội tuyên truyền về cùng các đội vũ trang địa phương, tổ chức các đơn vị Giải phóng quân chuẩn bị đánh Nhật; không tập kích quân Pháp lúc rút lui, kêu gọi họ cùng nhau chống Nhật.

Nắm chắc tình hình, thực hiện chủ trương của liên Tỉnh ủy, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân đã phân phối lực lượng tiến về các địa phương phát động quần chúng nổi dậy, giải phóng các đồn bót, đập tan chính quyền tay sai của địch, thành lập chính quyền cách mạng.

Ngày 21-3-1945, Ngân Sơn là huyện đầu tiên của Bắc Kạn được giải phóng. Ngày 22-3-1945, từ Ngân Sơn, một bộ phận Giải phóng quân do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy tiến sang Chợ Rã. Đoàn đã nghỉ chân ở đồi Pác Co. Quân ta bắt được tên Phó Giám binh Bắc Kạn (người Pháp) ở Pù Đồn. Đồng chí Mai Trung Lâm được đồng chí Võ Nguyên Giáp giao nhiệm vụ đi gặp tên Giám binh tại Pù Đồn để thuyết phục chúng hợp tác với ta đánh

Nhật. Ngày 23-3-1945, tên Giám binh đến gặp đồng chí Võ Nguyên Giáp xin giao lại toàn bộ vũ khí cùng 4 trung đội lính. Cùng ngày, các lực lượng vũ trang tiến vào giải phóng châu ly Chợ Rã.

Lúc bấy giờ, ông Đồng Phúc Quận làm tri châu Chợ Rã biết là Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân sẽ lên. Vì sợ nên viên tri châu đã cùng vợ cưới ngựa bỏ trốn. Khi đoàn quân lên Chợ Rã biết được tri châu đã bỏ trốn, đồng chí Võ Nguyên Giáp đã ra lệnh cho ông Châu Đoàn cùng 1 tiểu đội du kích đuổi theo, bắt được tri châu Đồng Phúc Quận (tại Mỹ Phương) đưa về xử án tại Pác Co.

Ngày 23-3-1945, châu Chợ Rã hoàn toàn giải phóng. Ngày 24-3-1945, đồng bào từ các xã lân cận cùng lực lượng tự vệ đã kéo về châu ly tham gia cuộc mít tinh chào mừng châu ly giải phóng.

Trong khi thể cách mạng tung bừng, đồng bào các dân tộc đã chứng kiến giờ phút lịch sử vẻ vang, bộ máy chính quyền của địch bị xóa bỏ, giấy tờ, sổ sách, đồng triện bị thiêu đốt, các kho thóc của địch ở huyện được phá chia cho dân nghèo.

Tại các xã, quần chúng cách mạng có lực lượng vũ trang làm nòng cốt, nổi dậy tước vũ khí, thu đồng triện, toàn bộ ruộng đất thu được của bọn tay sai phân động chia cho dân nghèo không có ruộng.

Trong cao trào cách mạng, nhiều thanh niên giác ngộ hăng hái tham gia giải phóng quân và lực lượng tự vệ. Do yêu cầu cách mạng, trung đội tự vệ vũ trang châu Chợ Rã

được thành lập để giữ vững trật tự, an ninh xã hội, đấu tranh chống Nhật, cứu nước...

Trước tình hình phát triển hết sức thuận lợi, đồng chí Võ Nguyên Giáp - Chỉ huy trưởng Giải phóng quân trên đường Nam tiến đến Lum Eng (còn gọi là Vững Nhỏ), thôn Phiêng Chì, xã Thượng Giáo để thành lập chính quyền cách mạng châu Chợ Rã - đây là chính quyền cách mạng cấp châu (huyện) đầu tiên trong cả nước¹.

Ngày 30-3-1945, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời châu Chợ Rã được thành lập gồm 5 thành viên do ông Hoàng Văn Đàm làm Chủ tịch, ông Hoàng Văn Phủ - Phó Chủ tịch, các ông Triệu Văn Hiến, Chu Khắc Xứng, Tống Văn Vàng làm Ủy viên. Cùng ngày, chính quyền cách mạng lâm thời xã Thượng Giáo cũng được thành lập do ông Ma Thế Quận làm Chủ tịch. Thành quả này của xã Thượng Giáo nói riêng và châu Chợ Rã nói chung đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của cao trào khởi nghĩa kháng Nhật cứu nước, tiến tới Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945.

Về phía quân Nhật, sau khi đảo chính Pháp, ngày 17-3-1945, từ Cao Bằng, chúng điều động 500 sĩ quan và

1. Trước khi thành lập Ủy ban cách mạng lâm thời châu Chợ Rã, đồng chí Võ Nguyên Giáp đến nghỉ tại nhà ông Ma Thế Quốc ở thôn Phiêng Chì. Vật dụng của đồng chí Võ Nguyên Giáp đã được mang về trưng bày tại bảo tàng Võ Nguyên Giáp ở Hà Nội. Địa danh Lum Eng được công nhận là di tích lịch sử theo Quyết định số 2410/QĐ-UBND ngày 26-12-2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

binh lính theo Quốc lộ 3 xuống chiếm đóng thị xã Bắc Kạn, nhanh chóng xây dựng bộ máy chính quyền tay sai cấp tỉnh, đồng thời tập hợp bọn lính khổ xanh, lính đồng và những tên lưu manh, côn đồ. Từ thị xã, Nhật liên tiếp mở các cuộc hành quân càn quét vào các châu hòng tiêu diệt lực lượng cách mạng và tập hợp bọn tay sai của Pháp trước đây để thành lập chính quyền bù nhìn. Ngày 13-4-1945, quân Nhật tập trung lực lượng tấn công châu lỵ Chợ Rã. Để bảo toàn lực lượng trước kẻ thù có quân đông, vũ khí nhiều và tối tân, lực lượng vũ trang và quần chúng nhân dân đã kịp thời sơ tán đến những nơi bí mật trên núi Phja Bjoóc.

Dưới sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời và Mặt trận Việt Minh các cấp, đồng bào các dân tộc Chợ Rã cũng như trên địa bàn Thượng Giáo đã tích cực thực hiện vườn không, nhà trống, đồng thời phối hợp với các lực lượng vũ trang liên tiếp phục kích, tập kích đánh cắt giao thông triệt phá tiếp tế, tăng cường chặn đánh những toán quân địch.

Ngày 13-5-1945, trên đường về Tân Trào (Chiêm Hóa, Tuyên Quang), lãnh tụ Hồ Chí Minh đã đi qua Chợ Rã. Quân dân Thượng Giáo cùng với lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc huyện Chợ Rã đã góp phần đảm bảo an toàn cho chuyến đi của Người.

Vào khoảng 8 giờ tối, được sự đồng ý của Bác, đoàn tổ chức mít tinh bao gồm đông đảo cán bộ, chiến sỹ các lực lượng vũ trang và đồng bào các dân tộc gần châu lỵ.

Buổi mít tinh được tổ chức tại Tổng Luyện (là cánh đồng nằm giữa bản Pẹc Pàn và Pác Co), thu hút gần 200 quần chúng tham gia.

Trong buổi nói chuyện, Bác hỏi thăm tình hình sức khỏe và đời sống của nhân dân, Người nói “Nước Việt Nam ta có 25 triệu đồng bào, chúng ta phải đoàn kết, một lòng một dạ, mọi người như một chống giặc đến xâm chiếm để bảo vệ nhân dân ta, ai có súng dùng súng, có dao dùng dao, người có giáo mác thì dùng giáo mác, không có thì dùng gậy đánh cũng được”.

Có cụ hỏi: “mình không có súng thì làm thế nào đánh được giặc?”

Bác trả lời: “đánh được chứ, súng của nó là súng của mình, mình phải dùng mưu trí cướp súng của giặc để đánh giặc, gậy gộc, giáo mác cũng đánh được”.

Có người hỏi: “đoàn kết là gì?”

Bác trả lời: “như chúng ta cầm cả bó đũa thì không ai bẻ gãy được, nhưng nếu tách từng chiếc thì bẻ dễ dàng, vì vậy chúng ta cần phải đoàn kết là thế”.

Có cụ hỏi: “ủng hộ là gì?”

Bác trả lời: “ủng hộ là mang của cải, lương thực cho cách mạng, cho Việt Minh để có cái ăn chống lại giặc”.

Sau đó, ông Phúc thay mặt nhân dân hỏi Bác: “dân khu Chợ Rã thiếu muối ăn, không có muối ăn, vậy sau có muối ăn không? có muối bán không?”

Một người dân lại hỏi: “nếu nhân dân đồng tình tham gia kháng chiến chống giặc ngoại xâm nhưng không có súng thì làm thế nào chống được?”

Bác nói: “nếu nhân dân đồng tình, ủng hộ chống giặc ngoại xâm thì sẽ có súng”.

Có người hỏi tiếp: “một khi toàn dân tham gia, được cấp phát súng rồi, súng này nhân dân có được dùng để bảo vệ mùa màng không?”

Bác nói: “súng của cách mạng giao cho nhân dân để chống giặc ngoại xâm chứ không có súng để bảo vệ mùa màng, không có súng để bắn chơi hoặc súng để săn bắn”.

Sau khi kết thúc lễ mít tinh tại Tổng Luyện, Bác nghỉ tại Thượng Giáo. Sáng hôm sau, đoàn tiếp tục lên đường, vượt Đồn Đền đi Đồng Phúc. Bác có nghỉ ở 1 cây vối to (Mạy xả bốc) tại Loỏng Cảo (thôn Nà Hán), chỉ vào đồi trước mặt và nói: “Vũ khí tối tân không bằng toàn dân đoàn kết”¹.

Sau khi đoàn đi được một tháng thì chuyển muối về, mỗi người được khoảng 0,5kg muối. Sau đó, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân đã cử 2 cán bộ (Triệu Nguyên Tài, Bàn An Sinh) ở lại châu để tuyên truyền gây dựng cơ sở cách mạng và nghiên cứu làm con đường xuyên qua núi Phja Bjoóc sang thôn Píc Cáy của xã Mỹ Phương².

Sự có mặt và chỉ bảo của lãnh tụ Việt Minh lúc này là sự cổ vũ lớn lao đối với đồng bào và cán bộ cùng các lực lượng vũ trang vững bước tiến lên trong công cuộc xây dựng và bảo vệ các thành quả cách mạng.

1. Sau này, để kỷ niệm chuyến đi và điểm dừng chân của Bác, huyện đã phát động xây dựng đồi cây Bác Hồ.

2. Con đường này gọi là con đường Nam Tiến.

Ngày 4-6-1945, thực hiện Chỉ thị của lãnh tụ Hồ Chí Minh, Khu giải phóng Việt Bắc và Ủy ban lâm thời Khu giải phóng được thành lập bao gồm 6 tỉnh: Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên. Ngay sau ngày thành lập, Ủy ban lâm thời Khu giải phóng đã khẩn trương triển khai kế hoạch củng cố, xây dựng khu giải phóng, đẩy mạnh việc sản xuất lương thực, thực phẩm, vũ khí, đạn dược... Trong đó, công tác phát triển lực lượng vũ trang được đặc biệt coi trọng. Đồng bào các dân tộc trong xã hăng hái động viên con em mình gia nhập lực lượng vũ trang.

Ngày 21-6-1945, từ thị trấn Phủ Thông, quân Nhật và bọn tay sai phản động mở nhiều mũi tấn công, càn quét vào vùng giải phóng huyện Chợ Rã. Không để cho quân địch được yên ổn trú quân, lực lượng vũ trang của ta liên tiếp tổ chức các trận đánh phục kích, tập kích vào các vị trí đóng quân của địch. Vì vậy, quân Nhật gặp rất nhiều khó khăn trong việc chi viện lực lượng cũng như tiếp tế lương thực, thực phẩm, vũ khí cho các cứ điểm và đồn bót. Cuối tháng 7, đầu tháng 8-1945, quân Nhật buộc phải rút quân khỏi địa bàn Chợ Rã và một số vị trí khác về thị xã Bắc Kạn. Vùng giải phóng của ta tiếp tục được mở rộng.

Trong khi đó, công tác xây dựng lực lượng chính trị, củng cố và phát triển các hội cứu quốc của Mặt trận Việt Minh được triển khai tích cực. Được sự giúp đỡ, hướng dẫn của Giải phóng quân, các đội tự vệ tại các thôn, bản

trong xã đã được huấn luyện với các hình thức chiến thuật phục kích, tập kích, thiết lập được hệ thống báo động truyền tin bằng mõ, tù và và chạy bộ thông báo kịp thời các tin tức về địch khi chúng đi càn quét.

Để thúc đẩy sản xuất phát triển mạnh mẽ, chính quyền cách mạng cùng với Ban Chấp hành Việt Minh các cấp đã thường xuyên cử cán bộ, phân công các đội viên tự vệ tăng cường đi sâu vào các bản, từng gia đình tuyên truyền, vận động nhân dân thi đua sản xuất, chăn nuôi để có nhiều lương thực, thực phẩm đóng góp cho cách mạng. Phong trào thi đua lao động của nhân dân trong giai đoạn này vẫn phát triển mạnh, giặc đến thì đánh, giặc đi lại tập trung lực lượng sản xuất.

Ở Thượng Giáo, chính quyền cách mạng đã tịch thu ruộng đất, trâu cày của bọn phản động tay sai đem chia cho dân cày, nhờ đó khích lệ mạnh mẽ tinh thần sản xuất của nhân dân. Các mặt hàng nông, lâm thổ sản do đồng bào sản xuất được vận chuyển về dưới xuôi để đổi lấy muối, diêm, nông cụ...

Từ giữa năm 1945, phe phát xít và quân Nhật liên tiếp thất trận trên các chiến trường ở châu Âu và châu Á - Thái Bình Dương, báo hiệu thời cơ cách mạng mới đã đến. Trước tình hình đó, từ ngày 13 đến 15-8-1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng đã họp tại Tân Trào (Tuyên Quang) đã quyết định lãnh đạo toàn dân tiến hành tổng khởi nghĩa và thành lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc do đồng chí Trường Chinh đứng đầu. Cùng ngày 13-8, Ủy

ban khởi nghĩa toàn quốc ra Quân lệnh số 1, hạ lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước. Ngày 16-8, Đại hội quốc dân (do Tổng bộ Việt Minh triệu tập) đã nhất trí tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng, kêu gọi quần chúng cả nước đứng lên giành chính quyền. Đại hội đã bầu ra Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam (tức Chính phủ lâm thời) do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, quyết định Quốc kỳ, Quốc ca của nước Việt Nam mới.

Hưởng ứng lệnh Tổng khởi nghĩa, các đơn vị Giải phóng quân, lực lượng vũ trang địa phương và nhân dân các dân tộc trong Khu giải phóng đã nhất tề nổi dậy giành chính quyền. Tại Chợ Rã, ngày 17-8-1945, lực lượng vũ trang và tự vệ các xã cùng với đông đảo lực lượng quần chúng rầm rộ tiến về bao vây, uy hiếp quân Nhật ở khu trung tâm châu lỵ. Đêm 18-8, quân cách mạng tiến lên bao vây nhà Huyện Hàm ở Pẹc Pàn (xã Thượng Giáo).

Như vậy, sau gần hai tháng chiếm đóng châu lỵ, đến ngày 20-8-1945, quân Nhật đã hoàn toàn bị đánh đuổi ra khỏi địa bàn Chợ Rã. Ngày 21-8-1945, ta tuyên bố xóa bỏ chính quyền tay sai, giải tán lực lượng bảo an binh và các tổ chức phản động. Ngày 23-8-1945, toàn bộ quân Nhật đã rời Bắc Kạn rút xuống Thái Nguyên về Hà Nội. Tỉnh Bắc Kạn hoàn toàn sạch bóng quân xâm lược. Ngày 25-8-1945, Ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh Bắc Kạn đã chính thức ra mắt quân và dân trong tỉnh.

Khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Bắc Kạn diễn ra nhanh chóng và

giành hoàn toàn thắng lợi, trong đó có sự đóng góp xứng đáng của nhân dân Thượng Giáo. Thắng lợi đó đánh dấu sự trưởng thành và lớn mạnh của lực lượng vũ trang trong xã cũng như trong huyện và trong tỉnh. Cùng với nhân dân cả nước, nhân dân địa phương đã đập tan gần một trăm năm xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp và lật nhào chế độ phong kiến có từ hàng nghìn năm trên đất nước ta, lập nên chính quyền dân chủ của nhân dân. Lịch sử dân tộc Việt Nam nói chung cũng như nhân dân Thượng Giáo nói riêng bước sang một thời kỳ mới - thời kỳ củng cố, bảo vệ những thành quả của cách mạng và xây dựng quê hương đất nước.

III. XÂY DỰNG, BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG VÀ THAM GIA KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945-1954)

1. Tham gia xây dựng và củng cố chính quyền sau cách mạng (1945-1946)

Cách mạng Tháng Tám thành công đã mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Ngày 2-9-1945, tại quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản “Tuyên ngôn độc lập”, tuyên bố trước quốc dân và toàn thế giới sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Vui mừng, phấn khởi trước những thành quả to lớn đã đạt được nhưng chính quyền đã phải đứng trước muôn vàn thử thách. Cùng với “giặc đói”, “giặc dốt” là “giặc ngoại xâm” trực tiếp đe dọa sự tồn tại của Nhà nước cộng

hòa non trẻ. Khó khăn chồng chất khó khăn, vận mệnh Tổ quốc như “ngàn cân treo sợi tóc”.

Trước tình hình đó, ngày 3-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh triệu tập phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ lâm thời và nêu lên 6 việc cấp bách cần làm ngay, đó là: Phát động phong trào tăng gia sản xuất để chống nạn đói, mở ngay cuộc lạc quyền gạo để giúp đỡ người nghèo; Mở chiến dịch chống nạn mù chữ; Tổ chức càng sớm càng hay cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu, soạn thảo Hiến pháp dân chủ; Mở chiến dịch giáo dục cần, kiệm, liêm, chính để bài trừ thói hư tật xấu của chế độ thực dân để lại; Bỏ ngay thuế thân, thuế chợ, thuế đò, tuyệt đối cấm hút thuốc phiện; Ra tuyên bố tự do tín ngưỡng và đoàn kết lương giáo.

Trên địa bàn Thượng Giáo cũng như nhiều xã khác trong huyện Chợ Rã, hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng và Chính phủ, những chủ trương, biện pháp khẩn cấp, kịp thời được đưa ra nhằm giúp nhân dân thoát khỏi tình trạng khó khăn.

Là xã miền núi vùng cao, đất rộng người thưa cộng với nền sản xuất tự cung, tự cấp là chủ yếu nên Thượng Giáo không bị nạn đói hoành hành như các xã miền xuôi. Bởi vậy, sau khi có chủ trương của Chính phủ, phong trào tăng gia sản xuất chống đói và lập “Hũ gạo tiết kiệm” được đồng bào tự nguyện tham gia tích cực nên đạt kết quả tốt, góp phần ủng hộ cho các lực lượng vũ trang đóng trên địa bàn.

Bên cạnh đó, ngay sau khi cách mạng thành công, Nhà nước đã xóa bỏ nhiều loại thuế ruộng đất, giảm tô, hoãn nợ cho nhân dân, đặc biệt là thuế thân, tạo điều kiện và động viên nhân dân trong xã hăng hái thi đua tăng gia sản xuất. Được sự giúp đỡ của một số cán bộ huyện, với khẩu hiệu “tắc đất tắc vàng”, nhiều hộ gia đình trong xã đã chung sức tích cực làm thủy lợi, mua sắm thêm nông cụ, giúp nhau về giống, đẩy mạnh chăn nuôi gia súc, gia cầm. Nhờ có những biện pháp cụ thể cùng tinh thần thi đua lao động sản xuất nên năng suất, sản lượng lương thực, thực phẩm từng bước được đảm bảo, góp phần ổn định đời sống nhân dân. Năm 1946, diện tích trồng lúa, ngô, khoai, sắn đều tăng so với năm trước.

Trong “Tuần lễ vàng”, tuy người dân trong xã còn rất nghèo nhưng với tấm lòng yêu nước, họ đã sôi nổi hưởng ứng và tự nguyện đóng góp cho Chính phủ. Mặc dù chỉ là những tấm vải thô tự dệt, đặc sản vùng núi rừng cùng con trâu, con bò, con lợn nuôi cũng được đồng bào mang đến đóng góp cho chính quyền cách mạng. Ngoài ra, một số gia đình đã vui vẻ gửi đến chính quyền cách mạng những đồ dùng, trang sức quý như nhẫn vàng cùng những thỏi bạc trắng cất giữ từ lâu đời. Kết quả, Thượng Giáo đã đóng góp cho cách mạng 7 tấn gạo, 20 con trâu, bò, hơn 300 lượng bạc trắng. Đó là một trong những biểu hiện cao quý của lòng yêu nước, yêu độc lập, tự do, ý thức xây dựng và bảo vệ đất nước của nhân dân các dân tộc trong xã.

Xác định “một dân tộc dốt là một dân tộc yếu” nên ngay sau khi nước nhà độc lập, công tác xóa mù chữ đã được Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm đặc biệt. Ngày 8-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh thành lập Nha Bình dân học vụ và kêu gọi toàn dân tham gia phong trào “Diệt giặc dốt”. Cuối năm 1945, Ban Bình dân học vụ của huyện được thành lập. Ở Thượng Giáo, chính quyền đã quán triệt sâu sắc nhiệm vụ diệt giặc dốt trong toàn thể đội ngũ cán bộ, các đoàn thể và lực lượng vũ trang, đồng thời xác định đây là một trong những nhiệm vụ cấp thiết cần phải được tiến hành ngay.

Với phương châm “người biết chữ ít dạy người chưa biết”, phong trào toàn dân diệt giặc dốt diễn ra sôi nổi ở khắp các thôn, bản trên địa bàn xã. Lớp học được tổ chức ở mọi thời điểm khác nhau: sáng, trưa, chiều và tối, thu hút sự tham gia của đông đảo các tầng lớp nhân dân. Các tổ chức đoàn thể trong xã còn sử dụng nhiều biện pháp tuyên truyền, cổ vũ động viên, kiểm tra hàng ngày để khuyến khích bà con đi học. Đơn vị Giải phóng quân, các đội tự vệ vũ trang đã tập trung những cán bộ, chiến sĩ có văn hóa xuống các bản làng hẻo lánh xa xôi động viên, tuyên truyền nhân dân học chữ “Bác Hồ”...

Đồng thời, thông qua đó vận động đồng bào thực hiện các chính sách mới ở nông thôn, bồi dưỡng các cán bộ nòng cốt cho đồng bào các dân tộc ít người. Đêm đêm, khắp các bản làng từ vùng thấp đến vùng cao đều sáng rực ánh đuốc, ánh đèn, từng đoàn thanh niên nam nữ, người

già, người trẻ nô nức đến các lớp học chữ, học hát, sinh hoạt đoàn thể, luyện tập quân sự... Chính nhờ sự cố gắng, nỗ lực này mà tính đến cuối năm 1946, đã có gần 60% số dân ở xã Thượng Giáo biết đọc, biết viết. Đây là một thắng lợi có ý nghĩa chính trị, xã hội sâu sắc.

Việc thực hiện đời sống mới trong nhân dân cũng đạt nhiều kết quả tốt. Các tệ nạn xã hội như cờ bạc, rượu chè, mê tín dị đoan, nghiện hút dần dần giảm bớt. Phong trào thể dục - thể thao, múa hát tập thể, văn hóa - văn nghệ được quần chúng hăng hái tham gia, đặc biệt là tầng lớp thanh thiếu niên.

Bên cạnh đó, công tác y tế, chăm lo sức khỏe cho nhân dân cũng từng bước được quan tâm. Phong trào vệ sinh phòng bệnh được tuyên truyền, phổ biến khá rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân. Nhiều phong tục, tập quán lạc hậu, mất vệ sinh do chế độ cũ để lại từng bước được đẩy lùi và xóa bỏ. Diện mạo các bản từng bước được thay đổi, nhờ vậy, uy tín, ảnh hưởng của chính quyền cách mạng ngày càng lan rộng trong quần chúng.

Để củng cố, xây dựng chính quyền cách mạng, thực hiện Sắc lệnh số 14/SL ngày 8-9-1945 của Chính phủ về Tổng tuyển cử bầu Quốc hội, dưới sự chỉ đạo của Châu bộ Việt Minh Chợ Rã, chính quyền và nhân dân các dân tộc Thượng Giáo đã khẩn trương chuẩn bị mọi mặt công tác tham gia cuộc vận động chính trị rộng lớn, xây dựng nền dân chủ cộng hòa. Ngày 6-1-1946, cùng với nhân dân cả nước, đông đảo nhân dân xã nô nức đi bỏ phiếu

để bầu Quốc hội khóa đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Tháng 4-1946, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Mặt trận Việt Minh huyện Chợ Rã đã tổ chức nhân dân bầu cử Hội đồng nhân dân hai cấp tỉnh và xã. Các ứng cử viên Hội đồng nhân dân cơ bản được Mặt trận Việt Minh giới thiệu, có khả năng và trình độ, đại diện cho các tầng lớp nhân dân. Sau bầu cử, trong kỳ họp thứ nhất, Hội đồng nhân dân xã Thượng Giáo bầu Ủy ban hành chính do ông Trần Văn Ma làm Chủ tịch.

Cùng với nhiệm vụ củng cố chính quyền, các tổ chức như Đoàn Thanh niên cứu quốc, Hội Phụ nữ cứu quốc, Hội Nông dân cứu quốc cũng được quan tâm lãnh đạo, xây dựng kiện toàn về tổ chức và cán bộ. Các đoàn thể quần chúng đã phát huy được vị trí, vai trò của mình trong việc động viên các tầng lớp nhân dân trong xã hăng hái tham gia công cuộc kháng chiến kiến quốc.

Trong lúc cán bộ và nhân dân Bắc Kạn cũng như nhân dân Thượng Giáo đang tập trung mọi nỗ lực để chống giặc đói, giặc dốt thì ở miền Nam, thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn, sau đó là Nam bộ và Trung bộ. Trước tình hình đó, Trung ương Đảng và Chính phủ quyết định khẩn trương huy động sức người, sức của chi viện cho đồng bào miền Nam kháng chiến. Với ý chí căm thù giặc sâu sắc và quyết tâm giữ vững nền độc lập, tự chủ vừa mới giành được, phong trào ủng hộ Nam bộ kháng chiến đã diễn ra mạnh mẽ trên toàn quốc, trong đó có tỉnh Bắc Kạn.

Tại xã Thượng Giáo, nhân dân đã tham gia các cuộc mít tinh lên án hành động xâm lược của thực dân Pháp, một số thanh niên, trai tráng địa phương đã hăng hái ghi tên tình nguyện gia nhập đội quân Nam tiến.

Cùng với phong trào ủng hộ Nam bộ kháng chiến, từ cuối tháng 9-1945, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Bắc Kạn về “động viên sức người, sức của trong nhân dân để xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng vũ trang tại chỗ, bổ sung cho các đơn vị Vệ quốc đoàn¹”, chính quyền xã Thượng Giáo đã triển khai phong trào quân sự hóa toàn dân ở khắp các thôn, bản. Thôn, bản nào cũng có từ 1-3 thanh niên xung phong tham gia lực lượng du kích. Do đó, chỉ sau một thời gian ngắn, xã đã thành lập được một trung đội du kích. Vũ khí, trang bị chủ yếu là mã tấu, dao, kiếm và một vài khẩu súng tự chế.

Công tác huấn luyện quân sự cũng được chú trọng. Lực lượng du kích xã tranh thủ mọi thời gian để huấn luyện và củng cố về tổ chức, xây dựng thôn, bản liên hoàn chiến đấu... Tuy về mặt tổ chức, chất lượng còn ở mức độ thấp, trang bị thiếu thốn song du kích xã thật sự là chỗ dựa tin cậy, là niềm tự hào của cán bộ, nhân dân địa phương.

Những kết quả đạt được trong cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng và xây dựng chế độ mới ở địa phương không tách rời khỏi sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh

1. Sau khi Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thành lập (2-9-1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra quyết định đổi tên Việt Nam Giải phóng quân thành Vệ quốc đoàn.

ủy và đội ngũ cán bộ, đảng viên. Tháng 6-1946, được Tỉnh ủy giao trách nhiệm, một số đảng viên đã đến xã Thượng Giáo tuyên truyền giác ngộ về lý tưởng cách mạng cho một số quần chúng tích cực, đồng thời xây dựng tổ chức cơ sở Đảng để trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng trong huyện.

Những thắng lợi trong nhiệm vụ diệt giặc đói, giặc dốt, củng cố nền tài chính và xây dựng nền móng chính quyền vững chắc không những giúp cho nhân dân trong xã vượt qua những khó khăn ban đầu, tạo điều kiện cho cuộc kháng chiến lâu dài mà còn có ý nghĩa to lớn về chính trị - xã hội. Tuy còn nhiều khó khăn nhưng những thắng lợi đó đã làm tăng sự tin tưởng của nhân dân với chế độ mới, nâng cao uy tín của Đảng, chính quyền, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc và chống lại âm mưu chia rẽ, phá hoại của kẻ thù.

2. Tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1947-1954)

Với bản chất cực kỳ phản động, hiếu chiến, thực dân Pháp ngang nhiên xóa bỏ Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3-1946, Tạm ước ngày 14-9-1946, từng ngày, từng giờ mở rộng chiến tranh xâm lược nước ta trên cả 3 miền Bắc, Trung, Nam. Tháng 12-1946, tình hình trở nên căng thẳng, chúng liên tiếp gây hấn với Chính phủ ta ở Thủ đô Hà Nội. Trước tình hình đó, 2 ngày 18 và 19-12-1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp và quyết định phát động cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trên phạm vi cả nước.

Hưởng ứng Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân xã Thượng Giáo chính thức bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ chống lại cuộc xâm lược lần thứ hai của thực dân Pháp.

Tháng 2-1947, trước tình hình lực lượng vũ trang của ta ngày càng phát triển cả về số lượng, chất lượng và quy mô tổ chức, Bộ Quốc phòng ra Thông tư thống nhất tên gọi lực lượng nửa vũ trang là dân quân. Tháng 3-1947, Chính phủ quyết định thành lập các ban chỉ huy tỉnh đội, huyện đội, xã đội thuộc Ủy ban kháng chiến các cấp. Huyện đội dân quân Chợ Rã ngay sau đó được thành lập, tiếp đó, các xã đội dân quân cũng được thành lập và từng bước được củng cố, kiện toàn.

Để đáp ứng yêu cầu của cuộc chiến đấu, Huyện ủy Chợ Rã đã cử cán bộ đi xuống các xã khẩn trương chỉ đạo từng địa phương tiếp tục đẩy mạnh nhiệm vụ củng cố, xây dựng và phát triển lực lượng tự vệ, du kích. Tính đến tháng 9-1947, toàn huyện xây dựng được 5 đại đội dân quân du kích, trong đó xã Thượng Giáo có 1 đại đội. Trong quá trình huấn luyện, dân quân du kích của các xã đã tích cực xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, bảo đảm có thể đánh địch trong mọi tình huống, vừa bảo vệ bà con, vừa tiêu diệt địch.

Địa bàn xã là nơi có núi rừng hiểm trở, lại hoàn toàn nằm trong vùng tự do nên trong thời gian này trở thành một trong những trọng điểm tiếp nhận các cơ quan, đồng bào đến sơ tán. Lực lượng vũ trang và nhân dân xã Thượng

Giáo đã tận tình giúp đỡ xây dựng nhà cửa, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho cán bộ, nhân dân sinh sống và làm việc.

Cùng với những hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức, động viên nhân dân và lực lượng dân quân du kích sản xuất, sẵn sàng chiến đấu, công tác xây dựng và phát triển Đảng được coi trọng. Qua một thời gian tuyên truyền, giác ngộ và thử thách trong các mặt công tác ở địa phương, ngày 24-5-1947, 4 đồng chí: Ma Thế Trọng, Trần Văn Ma, Bùi Quang Đệ, Lưu Văn Hiến được đồng chí Đinh Ngọc Sơn giới thiệu, đồng chí Nông Văn Lạc kết nạp vào Đảng Cộng sản tại Pù Đồn. Đây là lớp đảng viên đầu tiên của Thượng Giáo (lớp đảng viên thứ hai của huyện).

Tháng 10-1947, Chi bộ Đảng xã Thượng Giáo được thành lập với 15 đảng viên¹, đồng chí Ma Thế Trọng được bầu làm Bí thư Chi bộ. Từ đây, nhân dân Thượng Giáo đã có Chi bộ Đảng trực tiếp lãnh đạo. Đây là một bước ngoặt có ý nghĩa quan trọng đối với phong trào cách mạng ở địa phương. Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng, cán bộ và nhân dân xã Thượng Giáo tích cực thi đua lao động, sản xuất, xây dựng lực lượng vũ trang, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến.

Xuất phát từ những yêu cầu kháng chiến tại địa phương, Huyện ủy Chợ Rã lãnh đạo các chi bộ thực hiện

1. Gồm các đồng chí: Ma Thế Trọng, Triệu Văn Đệ, Ma Nguyễn Thủy, Triệu Văn Hiến, Hoàng Thăng Quốc, Hà Văn Mèo, Hoàng Văn Minh, Lộc Thăng Cao, Ma Thế Chân, Lưu Văn Hiến, Trần Văn Ma, Triệu Cao Vân, Ma Thế Quận, Hoàng Văn Cấp, Lưu Văn Vân.

Nghị quyết của Tỉnh ủy Bắc Kạn về “Thi đua phát triển Đảng” (đầu năm 1947). Qua đó, công tác tuyên truyền, giáo dục về chủ nghĩa Mác - Lênin, Cương lĩnh và Điều lệ Đảng đối với cán bộ chủ chốt và thanh niên tích cực cơ sở được mở rộng. Tổ chức Đảng nhờ đó được củng cố, vai trò lãnh đạo của Chi bộ được tăng cường thêm một bước¹.

Về phía địch, thực dân Pháp đang gặp khó khăn trong việc thực hiện âm mưu đánh nhanh thắng nhanh. Trước tình hình đó, giới cầm quyền Pháp quyết định mở một cuộc tiến công quân sự quy mô lớn vào căn cứ địa Việt Bắc nhằm bao vây và tiến tới tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến và quân chủ lực của ta để nhanh chóng kết thúc chiến tranh. Ngày 7-10-1947, 1.200 quân dù của chúng nhảy xuống đánh chiếm thị xã Bắc Kạn; ngày 8-10-1947, địch thả tiếp 4 đại đội quân dù xuống đánh chiếm huyện lỵ Chợ Đồn. Cũng trong ngày 7-10-1947, khoảng 7.000 quân bộ binh hỗn hợp của chúng xuất phát từ Lạng Sơn đi đường số 4 sang Cao Bằng, sau đó xuôi theo đường số 3 đánh xuống Bắc Kạn, Tuyên Quang, hình thành gọng kìm thứ nhất đánh phá căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc từ hướng bắc và đông bắc. Ngày 9-10-1947, khoảng 2.200 quân lính thủy đánh bộ từ Hà Nội ngược sông Hồng, đến Việt Trì sang sông Lô tiến lên đánh chiếm huyện Chiêm Hóa và thị xã Tuyên Quang, hình thành gọng kìm thứ hai

1. *Lịch sử Đảng bộ huyện Ba Bể (1930-1954)*, tr. 98.

đánh phá Việt Bắc từ hướng tây và tây bắc. Hai cánh quân đông - tây của địch như hai gọng kìm lớn siết chặt lấy căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc. Chúng hẹn gặp nhau ở Đài Thị (Tuyên Quang) ăn mừng chiến thắng.

Về phía ta, trước cuộc tấn công ồ ạt của thực dân Pháp vào căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc, ngày 15-10-1947, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị “Phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp”.

Theo Chỉ thị của Trung ương, quân và dân Thượng Giáo đã tích cực thực hiện chủ trương “Tiêu thổ kháng chiến”. Trên địa bàn xã, bà con nhanh chóng sơ tán, di chuyển lương thực, tài sản vào sâu trong rừng, đồng thời đẩy mạnh công tác tăng gia sản xuất. Mọi người dân từ già đến trẻ đều thực hiện khẩu hiệu “ba không”: không nói chuyện làm lộ bí mật; không nghe những điều không có liên quan đến mình; không chỉ đường và cảnh giác với người lạ mặt. Xã Thượng Giáo là nơi sơ tán của Ủy ban hành chính huyện Chợ Rã (nay gọi là Loòng Kháng chiến). Nhân dân còn nhường nhà cửa, ủng hộ và làm nhiệm vụ tiếp tế lương thực, thực phẩm, thuốc men và những vật dụng cần thiết hàng ngày cho cán bộ, nhân viên các cơ quan kháng chiến.

Cuối tháng 10-1947, quân Pháp sử dụng nhiều xe cơ giới chở binh lính tấn công, đánh chiếm huyện lỵ Chợ Rã, mở các cuộc hành quân, càn quét vào các bản. Trước tình hình đó, bất chấp tương quan lực lượng quá chênh lệch về quân số và vũ khí, quân và dân huyện nói chung, xã

Thượng Giáo nói riêng anh dũng đứng lên chống địch nên khi chúng càn quét, lùng sục vào thôn, bản nào cũng có bộ đội và dân quân du kích phục kích, bao vây, tiêu diệt.

Bị tổn thất nặng nề cả về người và phương tiện chiến tranh, Bộ Chỉ huy quân đội Pháp quyết định rút quân. Cuối tháng 11-1947, quân Pháp cơ bản rút hết quân ở các hướng về xuôi. Đây thật sự là một thất bại nặng nề cả về quân sự và chính trị của địch, đồng thời là một thắng lợi to lớn của quân và dân ta.

Sau thất bại của chiến dịch Việt Bắc, thực dân Pháp buộc phải chuyển từ chiến lược đánh nhanh thắng nhanh sang đánh lâu dài với chính sách “Dùng người Việt trị người Việt”, “Lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”. Về phía ta, Trung ương Đảng nhận định cần tích cực đánh cầm cự, đánh lâu dài với địch, tăng cường xây dựng lực lượng vũ trang, đẩy mạnh tác chiến ở tất cả các mặt trận.

Tại Thượng Giáo, thực hiện chủ trương của cấp trên, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chi bộ Đảng và Ủy ban kháng chiến hành chính xã, nhân dân đã tích cực đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sản xuất, không ngừng tăng cường tiềm lực mọi mặt nhằm tiếp tục xây dựng và củng cố căn cứ địa, sẵn sàng đối phó với mọi hành động khiêu khích của địch. Phong trào ủng hộ bộ đội và du kích ở khắp các bản diễn ra rất sôi nổi trong các tổ chức, đoàn thể và quần chúng nhân dân với nhiều hình thức hết sức phong phú và đa dạng như gây quỹ, lập trại tăng gia, bán thóc nuôi quân, nhận nuôi thương binh, đỡ đầu chiến sỹ

bộ đội hoặc du kích... Lực lượng dân quân du kích, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ xã luôn thể hiện vai trò xung kích đi đầu, đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất.

Trên mặt trận văn hóa, phong trào bình dân học vụ tiếp tục phát triển. Cùng với đó, nếp sống văn hóa mới được cán bộ và nhân dân trong xã duy trì, nhiều hủ tục, tệ nạn xã hội được loại bỏ. Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân tuy còn gặp nhiều khó khăn, nhưng dần được khắc phục.

Năm 1948, sau khi đánh xong đồn Phủ Thông, Trung đoàn 72 chuyển hàng trăm thương binh đến trạm cứu thương tại Bản Pục, xã Thượng Giáo. Nhân dân Thượng Giáo tạo điều kiện hỗ trợ bộ đội về mọi mặt như cứu chữa thương binh, may vá quần áo cho bộ đội... Trạm cứu thương đóng ở nhà các ông Hoàng Văn Đại, Nguyễn Văn Hồng và một số hộ dân xung quanh¹.

Trên lĩnh vực quân sự, bước sang năm 1948, huyện Chợ Rã là một trong những địa bàn điển hình trong khu vực Việt Bắc mà thực dân Pháp xây dựng, xúi giục bọn phi và bộ máy tay sai phản động chống phá quyết liệt. Chúng hy vọng dùng quân phi đánh chiếm huyện lỵ để dựng lên chính quyền tay sai phục vụ chính sách “dùng người Việt trị người Việt” và khuếch trương cho cái gọi là “Liên bang Tây - Nùng miền Bắc Đông Dương”.

1. Tại trạm cứu thương, có ông Đồng Văn Quyền ngày đêm tận tình chăm sóc phục vụ thương binh, được anh em chiến sĩ gọi vui là “cha thương binh”.

Tháng 2-1948, Tỉnh ủy Bắc Kạn ra Nghị quyết về đấu tranh chống phi một cách toàn diện. Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, Đảng bộ huyện Chợ Rã vạch ra chủ trương, kế hoạch chống phi trên tất cả các mặt chính trị, quân sự, kinh tế, làm cho phi mất khả năng hoạt động, bị cô lập và tiêu diệt.

Tại Thượng Giáo, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng, chính quyền cách mạng đã giác ngộ được một số người vì nhiều lý do phải theo phi trở lại làm ăn lương thiện, hòa nhập trong cộng đồng. Đội du kích xã đã phối hợp với đội du kích Chợ Rã diệt và làm bị thương một số tên trong cuộc tấn công phi tại địa phương¹ (tháng 8-1948). Cuộc sống của nhân dân xã Thượng Giáo cũng như nhân dân huyện Chợ Rã tạm thời được yên ổn.

Sang năm 1949, thực dân Pháp càng ra sức chi viện và kích động quân phi ở Chợ Rã hoạt động để thu hút lực lượng chủ lực, làm giảm sức tấn công của ta trên các mặt trận dọc tuyến Quốc lộ 3. Vì thế, quân phi lại tăng cường quấy phá.

Ngày 22-2-1949, hơn 100 tên phi đột nhập vào phía bắc các xã Thượng Giáo, Nghiên Loan, gây tội ác ở Bản Đính, Nà Nhòì, Phja Linh, Khuổi Nầu, Pác Liễn... Lực lượng du kích xã anh dũng chiến đấu bảo vệ tài sản và tính mạng của nhân dân. Song lực lượng phi đông, nhận thấy bất lợi, quân ta buộc phải rút lui. Bọn phi giết hại 7

1. *Lịch sử Đảng bộ huyện Ba Bể (1930-1954)*, tr. 88.

thường dân, trong đó có 1 tiểu đội phó dân quân, cướp 62 con trâu, bò, 400 gánh thóc, đốt 42 nóc nhà¹.

Tiếp theo, ngày 25-3-1949, bọn phi với lực lượng khá lớn tiến vào bản Khau Bút (tổng Thượng Giáo) cướp đi nhiều của cải của nhân dân, uy hiếp huyện lỵ. Đồng thời với hoạt động cướp phá của phi, Pháp tung tin sẽ tái chiếm Chợ Rã, khiến nhân dân hoang mang. Một số đồng bào ở các bản gần huyện lỵ chạy tản cư đi nơi khác khiến Chi bộ Đảng xã Thượng Giáo gặp khó khăn trong lãnh đạo sản xuất và tổ chức đời sống. Trước tình hình trên, cuộc vận động tiểu phi ở Chợ Rã được đặt ra cấp thiết.

Để tiểu phi, 2 đại đội Minh Lý và Minh Hạc được điều lên huyện Chợ Rã. Đại đội Minh Lý đóng tại nhà ông Hoàng Nông Chắt (thôn Bản Pục). Đại đội Minh Hạc đóng quân tại nhà ông Huyện Hàm (Hoàng Đức Hàm). Bọn phi ập đến với ý định bắt Ban Châu là ông Tổng Văn Vàng. Lúc đó, ông Vàng đang ở nhà ông Hoàng Văn Quý (Chộc Muồng). Được tin báo, đại đội Minh Lý và Minh Hạc ập đến bao vây phi. Sau 2 giờ chiến đấu, bọn phi phải rút lui, ta bắt được 2 tên và mang về xử bắn tại Bản Pục.

Cuối tháng 3-1949, quân ta bắt ngờ mở cuộc tấn công mạnh vào sào huyệt của phi ở Pác Nặm, Bản Nghiêng... diệt nhiều lính phi (cả những tên đầu sỏ), thu được một

1. Theo bản nhận xét đại cương tình hình thổ phi ở Chợ Rã từ tháng 11-1947 đến ngày 12-2-1949. Tài liệu lưu trữ tại Ban Tuyên giáo Huyện ủy Ba Bể.

số vũ khí. Thừa thắng, ta tiếp tục truy quét, xóa bỏ các cứ điểm của phi ngay sát huyện lỵ¹.

Tại xã Thượng Giáo, bọn phi cướp bóc thóc, ngô, trâu, bò, lợn, gà và đốt phá nhà của nhiều hộ dân ở Chọc Muồng như nhà ông Hoàng Văn Quý, trụ sở Ban Châu Tổng Văn Vàng, nhà ông Diệp Văn Thường, Triệu Văn Deng²...

Dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy Chợ Rã, cuộc vận động tiểu phi ở Thượng Giáo giành được nhiều thắng lợi, chiêu hàng được tên trùm phi, vận động được nhiều lính phi ra đầu thú. Ta thực hiện chính sách khoan hồng, chỉ cho phi thấy rõ âm mưu, thủ đoạn của thực dân Pháp, kêu gọi chúng quay về làm ăn lương thiện³. Tình hình trị an trong xã Thượng Giáo nói riêng, huyện Chợ Rã nói chung tạm thời ổn định.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng về sửa chữa, khôi phục lại đường số 3, Tỉnh ủy Bắc Kạn đã phát động “Chiến dịch cầu đường lần thứ nhất”. Tại xã Thượng

1. Trong quá trình tiểu phi, đại đội Minh Lý bắt được tên cầm đầu là Thủ bạ Deng (ở Lũng Chủ - An Thắng) đem vào khu chợ sơ tán Phiêng Mặn để xử bắn.

2. Phi mang của cải cướp được giấu ở Pác Co, sau khi bị đánh đuổi chúng phải bỏ lại, bộ đội gọi nhân dân đến nhận lại của cải.

3. Ông Dương Văn Long được Tri châu Chợ Rã cử đi làm Bang tá ở Pác Nặm. Ông đã được giác ngộ cách mạng và được cử theo dõi tình hình thổ phi, tìm biện pháp ngăn chặn và làm tan rã chúng. Trong xã có một số người theo phi được ông Dương Văn Long khuyên nhủ quay trở về với nhân dân, đó là: Nguyễn Văn Sách, Long Văn Báo, Triệu Văn Nuôm, Triệu Văn Phấn.

Giáo, không khí lên đường tham gia chiến dịch vô cùng sôi động. Thanh niên nam nữ các bản tích cực chuẩn bị lương thực, thực phẩm tham gia đội thanh niên xung phong của tỉnh bảo đảm giao thông ở những nơi trọng điểm. Tháng 4-1950, đường số 3 từ Thái Nguyên - Bắc Kạn đến Ngân Sơn cơ bản thông xe, bảo đảm kịp thời cho công tác chuẩn bị mọi mặt để mở chiến dịch Biên giới.

Sau khi phân tích tình hình mọi mặt, tháng 6-1950, Ban Thường vụ Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Biên giới với 3 mục đích: tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, khai thông biên giới Việt - Trung để mở rộng con đường liên lạc với quốc tế, củng cố và mở rộng căn cứ địa Việt Bắc.

Nhằm phối hợp với bộ đội chủ lực tại biên giới Việt - Trung, ngày 18-9-1950, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Kạn phát động “Tuần lễ thi đua giết giặc lập công”. Hưởng ứng phong trào này, cùng với nhân dân toàn tỉnh, toàn huyện, nhân dân các dân tộc trong xã đã tích cực củng cố lực lượng, phá hoại giao thông, chặn bước tiến công của địch. Trong phong trào “Bán thóc gạo để khao thưởng bộ đội và lập hũ gạo kháng chiến”, năm 1950, mặc dù bị thiên tai, địch họa tàn phá nặng nề, nhưng toàn huyện vẫn “thực hành tiết kiệm”, đáp ứng được 150 tấn ngô cung cấp cho lực lượng vũ trang địa phương, bộ đội và góp phần phục vụ chiến dịch Biên giới. Quân và dân Chợ Rã cũng như Thượng Giáo xứng đáng là hậu phương trực tiếp của chiến dịch Biên giới. Kết thúc chiến dịch, Chủ

tịch Hồ Chí Minh đã tuyên dương 3 tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn: “đã làm kiểu mẫu trong việc động viên nhân lực, vật lực, trí lực cho kháng chiến”.

Tháng 2-1951, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng được tiến hành tại xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Đại hội nêu rõ nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang, củng cố căn cứ địa cách mạng và nhấn mạnh: “xây dựng căn cứ địa tức là tích cực bồi dưỡng nguồn nhân lực, vật tư cần thiết cho công việc xây dựng và phát triển quân đội”.

Thực hiện sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, tháng 7-1952, Đảng bộ Chợ Rã tiến hành Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ II. Đại hội đã đề ra Nghị quyết chỉ rõ những nhiệm vụ cụ thể trong xây dựng hậu phương, đẩy mạnh phong trào thi đua lao động, sản xuất, thực hành tiết kiệm, tập trung sức người, sức của chi viện cho tiền tuyến.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp diễn ra ngày càng ác liệt, nhu cầu cung cấp về sức người, sức của cho chiến trường ngày càng lớn. Trong khi đó, nền kinh tế ở địa phương chủ yếu là nông nghiệp lạc hậu, mang đậm tính tự cấp, tự túc; thiên tai như hạn hán, lũ lụt, sâu bệnh... thường xảy ra gây thiệt hại cho sản xuất. Đời sống của nhân dân còn gặp nhiều khó khăn. Hầu hết lực lượng lao động chính, khỏe mạnh lại phải luôn thường trực sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu. Đặc biệt, thời gian này, đồng bào dân tộc Dao ở xã thường bị thiếu đói từ 2-3 tháng trong năm, nhân dân phải vào rừng đào củ mài, củ sắn để ăn.

Năm 1948, xã Thượng Giáo bị ngập lụt nặng, 95% diện tích ngô vụ mùa bị hỏng. Ngày 26-5-1950, lại một trận lụt lớn gây ngập úng làm 20% diện tích ngô không cho thu hoạch. Không những thế, nước lũ còn cuốn trôi hoa màu, gia súc, gia cầm của nhân dân¹. Sau trận lụt, cát tràn xuống lấp trắng cánh đồng Pác Vạt. Ngày 5-6-1953, nạn lụt lại xảy ra gây thiệt hại nặng, 30 gia đình ở xã lâm vào cảnh thiếu đói². Vượt lên trên khó khăn thiếu thốn, đồng bào các dân tộc tự nguyện cho nhau vay mượn, giúp nhau thóc giống, nông cụ, trâu cày... góp phần ổn định cuộc sống và sản xuất.

Trước tình hình đó, Ủy ban kháng chiến hành chính xã tập trung chỉ đạo lực lượng dân quân du kích và nhân dân tích cực khai hoang, phục hóa, tăng nhanh diện tích trồng trọt. Các biện pháp kỹ thuật nhằm tăng năng suất lúa bước đầu được áp dụng. Cấp ủy, chính quyền còn đặc biệt quan tâm, tuyên truyền và tổ chức cho nhân dân làm thủy lợi. Từ 1951-1954, quân và dân Thượng Giáo đã huy động hàng nghìn ngày công đào đắp, sửa chữa kênh mương dẫn nước. Nhờ chủ động nước tưới mà đồng bào đã chuyển được một số diện tích cây một vụ sang hai vụ. Qua đó, sản lượng lương thực tăng lên đáng kể.

Ngoài trồng lúa, các bãi soi bên sông Năng thuộc xã Thượng Giáo được tận dụng để trồng ngô 2 vụ/năm. Năm

1. Lũ tràn đến Lũng Ý (thôn Mỏ Đá), cuốn trôi nhà các ông Dương Văn Phúc, Dương Văn Hồng (thôn Nà Tạ)...

2. *Lịch sử Đảng bộ huyện Ba Bể (1930-1954)*, tr.118.

1950, diện tích trồng ngô của xã tăng 10% so với năm 1949. Năm 1953, khi phát động quần chúng giảm tô, hầu hết các soi bãi, ruộng đất để hoang, vắng chủ được chính quyền tạm cấp cho dân nghèo trồng ngô. Những năm mưa thuận gió hòa, được mùa, ngô chất đầy nhà, cái ăn không phải lo, nhờ đó chăn nuôi cũng phát triển.

Trong thời gian này, Huyện ủy Chợ Rã chú trọng đến việc củng cố hệ thống chính quyền, đoàn thể ở các địa phương. Các đoàn thể quần chúng luôn được tạo điều kiện để phát triển hội viên, đồng thời mở rộng các hình thức hoạt động đi vào chiều sâu trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ chiến đấu và chi viện cho tiền tuyến. Ngay từ sau Đại hội Đảng bộ huyện, Chi bộ đã làm tốt công tác giáo dục, tuyên truyền và vận động nên số hội viên trong các đoàn thể ngày càng tăng, đông nhất vẫn là Hội Nông dân, Hội Phụ nữ xã.

Trên mặt trận kiến quốc, thấm nhuần sâu sắc nguyên tắc “vừa kháng chiến vừa kiến quốc và tự cung tự cấp về mọi mặt” và hưởng ứng phong trào “tích cực tăng gia sản xuất”, “toàn dân canh tác” theo chủ trương của Tỉnh ủy, Chi bộ Đảng đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, vận động và tổ chức nhân dân, lực lượng vũ trang tăng cường khai hoang phục hóa, tăng diện tích trồng ngô, khoai, sắn, đẩy mạnh chăn nuôi các loại gia súc, gia cầm và triệt để thực hành tiết kiệm.

Ngoài ra, Chi bộ, chính quyền xã còn nhanh chóng triển khai các chủ trương, đường lối của Đảng và chính

sách mới của Nhà nước về phát triển kinh tế. Năm 1951, Chính phủ ban hành một số sắc lệnh thuế, quyết định thu thuế nông nghiệp thay thế cho các loại đóng góp trước đây như quỹ công lương, tạm vay... Thực hiện Sắc lệnh thuế nông nghiệp của Chính phủ, năm 1951, nhân dân Thượng Giáo đã đóng trên 10 tấn thóc thuế.

Thực hiện Sắc lệnh giảm tô của Chính phủ ra ngày 14-9-1949 và chủ trương của Tỉnh ủy Bắc Kạn, công tác giảm tô được đặt ra ở Chợ Rã từ năm 1950, song đến năm 1952, mới thực sự có ý nghĩa về chính trị và kinh tế. Xã Thượng Giáo được coi là trung tâm trong công tác giảm tô của huyện. Tại xã, bản cổ nông lĩnh canh đã đấu tranh yêu cầu các chủ ruộng đất phát canh giảm tô 25% theo yêu cầu của Chính phủ. Xã có 64 món tô, đã vận động giảm được 9 món giữa địa chủ với nông dân, 3 món giữa trung nông với bản nông.

Kinh tế từng bước phát triển, đời sống nhân dân ổn định góp phần thúc đẩy các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa xây dựng đời sống mới trên địa bàn ngày càng đi vào chiều sâu.

Ủy ban kháng chiến hành chính xã chú trọng mở các lớp tiểu học cho con em nhân dân đã biết chữ. Tuy trường học chưa được thành lập tại xã nhưng Chi bộ Đảng và chính quyền tuyên truyền, tạo điều kiện cho con em đi học. Cùng với giáo dục phổ thông, phong trào bình dân học vụ, xóa nạn mù chữ cho nhân dân cũng được Chi bộ Đảng chú trọng lãnh đạo, tiến hành xây dựng các lớp học



Di tích lịch sử Phiêng Chi



Núi Cứu Quốc



Đồi cây Bắc Hồ





Đón nhận danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân



Lễ đón nhận danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân

tại các bản. Đầu năm 1953, toàn huyện có 9 lớp do 9 giáo viên sơ cấp dạy với hơn 100 học viên, các lớp học chủ yếu là đồng bào Tày, Nùng, Dao trong các xã Mẫu Ninh, Quảng Khê và Thượng Giáo.

Bước vào đông xuân năm 1953-1954, quân ta mở cuộc tiến công chiến lược trên tất cả các chiến trường. Yêu cầu chi viện về sức người, sức của cho các mặt trận càng trở nên cấp bách. Nhận thức được tình hình, Chi bộ, chính quyền xã đã xác định cần xây dựng lực lượng dân quân, du kích vững mạnh về chính trị, quân sự, hậu cần, đồng thời, không ngừng nâng cao sức chiến đấu và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong lực lượng dân quân du kích. Riêng đợt tuyển quân đầu năm 1953, huyện Chợ Rã đã có 45 thanh niên tòng quân nhập ngũ, trong đó có nhiều con em ở Thượng Giáo.

Để phá hậu phương kháng chiến của ta, thực dân Pháp tiếp tục chi viện cho phi bằng cách dùng máy bay thả vũ khí (tháng 9-1953) khiến chúng càng ráo riết hoạt động.

Sau khi thua trận tại chiến dịch Biên giới Thu Đông năm 1950, một số lính (Ma Rốc) bị ta bắt được đưa về huyện giúp chuyên chở lương thực. Chúng đánh hơi thấy có kho chứa vũ khí lương thực tập hợp tại kho chứa chùa Phổ Cũ nên đã báo cho Pháp. Thực dân Pháp đã điều máy bay tới bắn phá. Do có chỉ điểm, chúng đã bắn trúng nhà ông Hoàng Văn Luyện - Xã đội trưởng du kích (là nơi cất giấu vũ khí). Số vũ khí bị phá hỏng gồm 7 khẩu súng trường khai hậu và 400 viên đạn, 1 người dân bị trúng đạn

chết¹, 3 ngôi nhà bị cháy trụi. Sau sự việc này, các hộ dân trong thôn gần đó không dám ở nhà vì sợ máy bay bắn phá nên di tản tại hang Pác Vạt (Thảm Liêm), thôn Nà Ché khiến sản xuất bị đình trệ...

Cũng trong khoảng thời gian đó, tại cánh đồng Tổng Cà, có đoàn ngựa thồ do Ủy ban hành chính xã huy động đang vận tải lương thực từ các thôn đến tập hợp tại kho cất giữ tại chùa Phố Cũ thì bị máy bay của Pháp (do Việt gian chỉ điểm) dùng súng máy bắn tập kích vào đoàn ngựa đang chờ hàng. Tuy nhiên, người dắt ngựa đã phát hiện và lẩn tránh kịp thời, không gây thiệt hại về người và hàng hóa nhưng chết 1 con ngựa, bị thương 1 con.

Mấy hôm sau đó, cũng trên cánh đồng Tổng Cà, máy bay Pháp lại đến tập kích lần 2 nhằm vào đoàn ngựa thồ đang vận tải lương thực từ các bản đến tập hợp tại kho cất giữ. Cũng như lần trước, người dân kịp thời phát hiện và lẩn tránh nên không gây hậu quả nặng nề về người và hàng hóa, chỉ bị thương 1 con ngựa.

Sau sự kiện máy bay Pháp bắn phá trên cánh đồng Tổng Cà khoảng 10 ngày, máy bay Pháp lại bay đến ném bom xuống sau nhà ông Ma Thế Quận - Nguyên Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính nhưng không gây thiệt hại. Sau đó, chúng thả 2 quả bom xuống sau chùa Phố Cũ, gây tốc toàn bộ mái và đổ sập bức tường sau chùa; 2 quả

1. Chết một người dân là mẹ đồng chí Xã đội trưởng. Bà bị đạn bắn trúng chân, chạy lên Thảm Liêm (Pác Vạt) để cứu chữa nhưng không qua khỏi.

bom tiếp theo chúng thả trên đồi ngay sau nhà ông Ma Thế Tiến, ông Thành (tiểu khu 8 hiện nay). Chúng ném tiếp 2 quả bom xuống đầu cầu Pác Co rồi liên tiếp nã đạn xuống dưới. Tuy nhiên, Pháp bắn phá không trúng mục tiêu nên không gây thiệt hại gì đáng kể.

Thực hiện phương châm kháng chiến khi quân Pháp đến chiếm đóng là “vườn không nhà trống” nên nhân dân được chính quyền vận động sơ tán vào các địa điểm đã chốt định sẵn để chống lại chiến lược gom dân của địch. Bà con đã sơ tán đến Pác Keng (thôn Nà Tạ). Mặc dù vậy, vẫn còn một số hộ dân bám ruộng vườn để trồng trọt, chăn nuôi. Hôm đó, du kích xã được phân công canh gác tại cửa rừng Pác Keng. Khi quân Pháp kéo tới gặp lúc ông Nông Văn Hảo đang thả gà tại Phja Mèo. Ông liền chạy lên báo cho nhân dân đang sơ tán biết nhưng bị lính Pháp phát hiện và đuổi theo bắn chết¹.

Năm 1954, ta chuẩn bị mở cuộc tiến công chiến lược vào căn cứ mạnh nhất của địch ở Điện Biên Phủ, Chi bộ xã cùng toàn thể nhân dân quyết tâm hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao, chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến. Nhiều gia đình hăng hái xung phong đi dân công phục vụ chiến đấu. Với tinh thần “Tất cả cho tiền tuyến”, những dân công ở xã đã vượt qua mọi đèo cao, rừng sâu,

1. Lúc đó nước sông Năng dâng cao, một số chị em đang cắt vó ven sông, lính Pháp đi tuần dọc sông thấy phụ nữ nên chọc ghẹo. Du kích xã được phân công canh gác đã phát hiện và bắn chết Tây đen tại bờ sông Năng (Pá Bề), lòng Phiêng Mặn.

gồng gánh, mang vác vũ khí, lương thực ra mặt trận, đảm bảo giao thông trên các tuyến đường trọng điểm đều thông suốt.

Ngày 13-3-1954, chiến dịch Điện Biên Phủ mở màn. Ngày 7-5-1954, chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng, nhân dân Việt Nam giành được thắng lợi cuối cùng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Tin thắng trận ở Điện Biên Phủ vang dội, truyền tới khắp thôn, bản trong xã Thượng Giáo như thúc giục nhân dân hăng hái lao động, sản xuất.

Trải qua 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, trực tiếp là Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn và huyện Chợ Rã, Chi bộ và nhân dân xã Thượng Giáo đã phát huy truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ và giữ vững chính quyền cách mạng, bảo vệ căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc, góp phần làm nên thắng lợi chung của toàn dân tộc.

Trong cuộc đấu tranh anh dũng chống thực dân Pháp, Thượng Giáo đã đóng góp cho kháng chiến hàng trăm tấn lương thực, thực phẩm, tiễn đưa hàng trăm thanh niên trẻ khỏe lên đường tòng quân giết giặc, tiêu biểu như Hà Văn Mèo, Hà Văn Chương. Kết thúc cuộc kháng chiến, Thượng Giáo có 4 liệt sĩ¹, được tặng thưởng nhiều huân,

1. 4 liệt sĩ là: Cà Văn Vương, Nông Văn Học, Lưu Thanh Hòa, Hà Văn Thông.

huy chương và bằng khen các loại. Với những thành tích đặc biệt xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, nhân dân và lực lượng vũ trang xã Thượng Giáo đã vinh dự được Đảng và Nhà nước tặng thưởng danh hiệu cao quý Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Đó là những minh chứng rõ nét nhất cho tinh thần yêu nước, quyết tâm chiến đấu và góp phần làm nên truyền thống đáng tự hào của cán bộ và nhân dân các dân tộc trong xã.

Phần khởi về những trang sử hào hùng của quê hương, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chi bộ Đảng, cán bộ, đảng viên và nhân dân Thượng Giáo tiếp tục phấn đấu vươn lên hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới, thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất đất nước (1954-1975).

Đến nay, sau gần 10 năm, công tác nghiên cứu và sưu tầm tài liệu của Ban nghiên cứu đã đạt được những kết quả đáng kể. Ban nghiên cứu đã sưu tầm được hàng ngàn tài liệu, trong đó có nhiều tài liệu quý giá, chưa từng có ở Việt Nam. Ban nghiên cứu đã biên soạn và xuất bản nhiều công trình nghiên cứu, trong đó có cuốn "Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam" (tập 1, 2, 3) và "Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam" (tập 4, 5, 6). Những công trình này đã góp phần quan trọng vào việc nghiên cứu và phát triển lý luận và thực tiễn của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trong quá trình nghiên cứu và sưu tầm tài liệu, Ban nghiên cứu đã gặp nhiều khó khăn và thử thách. Tuy nhiên, với sự kiên trì và nỗ lực của Ban nghiên cứu, những khó khăn và thử thách đó đã được vượt qua. Ban nghiên cứu đã đạt được những kết quả đáng kể, góp phần quan trọng vào việc nghiên cứu và phát triển lý luận và thực tiễn của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Chương III

CHI BỘ XÃ THƯỢNG GIÁO LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THAM GIA KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (1954-1975)

I. THỜI KỲ ĐẦU XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC (1954-1965)

1. Hoàn thành giảm tô, khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa (1954-1957)

Ngày 7-5-1954, chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng buộc thực dân Pháp phải ngồi vào bàn đàm phán. Ngày 21-7-1954, Hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết, nước ta tạm thời bị chia cắt làm hai miền. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng. Còn ở miền Nam, đế quốc Mỹ và các lực lượng tay sai tìm mọi cách phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ, âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta. Tình hình đó đòi hỏi cách mạng Việt Nam phải chuyển sang thời kỳ: tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà ở miền Nam.

Bước vào giai đoạn cách mạng mới, Thượng Giáo có một số điều kiện thuận lợi: Chi bộ Đảng, chính quyền, lực lượng vũ trang được rèn luyện vững vàng trong kháng chiến; cuộc vận động giảm tô đã thu được những thành quả nhất định, góp phần cải thiện một bước đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của nông dân nghèo.

Tuy vậy, hòa bình lập lại, tình hình chung của xã còn nhiều khó khăn. Sản xuất yếu kém, nhiều diện tích đất ở các bản để hoang hóa. Các công trình thủy lợi, hệ thống đường giao thông phần lớn do không có điều kiện tu bổ nên bị sạt lở làm cho việc sản xuất, giao lưu kinh tế gặp trở ngại. Thêm vào đó là thiên tai liên tiếp hàng năm đã để lại những hậu quả nghiêm trọng. Không chỉ vậy, xã còn phải đối mặt với sự phá hoại của các phần tử phản động làm cho công tác khôi phục kinh tế càng thêm khó khăn.

Trước tình hình mới, đầu năm 1955, Chi bộ Đảng xã Thượng Giáo tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 1955-1957. Nghị quyết Đại hội đề ra các biện pháp nhằm nhanh chóng ổn định tổ chức, tiến hành xây dựng, củng cố chính quyền và các đoàn thể quần chúng, đẩy mạnh các hoạt động chính trị, kinh tế - xã hội, phát triển lực lượng công an, dân quân tự vệ, đảm bảo trật tự an toàn trên địa bàn. Đại hội bầu ban Chi ủy khóa mới do đồng chí Triệu Văn Hoa làm Bí thư Chi bộ (Chủ tịch Ủy ban hành chính xã).

Những năm 1954-1955, ở Thượng Giáo cũng như nhiều địa phương khác, chế độ thực dân phong kiến mặc dù đã bị xóa bỏ nhưng người dân vẫn phải chịu bất bình đẳng về nhiều mặt, đặc biệt là trong sở hữu ruộng đất,

khuyến cho sức sản xuất bị kìm hãm. Thực hiện Nghị quyết của Trung ương Đảng, Đảng bộ huyện Chợ Rã đã lãnh đạo nhân dân các xã tiến hành thực hiện chính sách của Nhà nước về thoái tô, giảm tức. Cuộc vận động triệt để giảm tô lần này ở Chợ Rã được triển khai sâu rộng, trong đó có xã Thượng Giáo.

Trên cơ sở điều tra, xác định địa chủ, tổ chức học tập chủ trương, chính sách phát động quần chúng triệt để giảm tô của Đảng trong nhân dân, bồi dưỡng “khổ chủ”, đội công tác xã tổ chức các buổi đấu tố địa chủ, quy kết gần 20 địa chủ, phú nông.

Kết thúc công tác giảm tô ở Thượng Giáo, giai cấp địa chủ căn bản bị đánh đổ, địa vị của giai cấp nông dân được nâng cao, thực sự trở thành người làm chủ nông thôn. Tuy nhiên, nằm trong bối cảnh chung của công tác giảm tô và cải cách ruộng đất ở miền Bắc, công tác phát động quần chúng triệt để giảm tô ở Thượng Giáo mắc phải một số hạn chế là đã máy móc áp đặt tỷ lệ phần trăm số hộ địa chủ, phú nông trong các bản. Mặt khác, do không dựa vào các tổ chức Đảng và các đoàn thể ở địa phương nên đã quy sai thành phần và đấu tố sai một số trường hợp. Nguyên nhân sâu xa của những sai lầm đó là không nắm vững vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp ở nước ta, không thấy được những biến đổi to lớn của nông thôn miền Bắc sau Cách mạng Tháng Tám.

Nắm bắt được tình hình sai phạm trong giảm tô và cải cách ruộng đất ở miền Bắc, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 10 (tháng 9-1956) chủ trương

kiến quyết sửa sai trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn xác định mục đích, yêu cầu sửa sai theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương 10 là: “Giải quyết từng bước những sai lầm đối với cán bộ, đảng viên, quần chúng, giải quyết mâu thuẫn trong Đảng và nhân dân, những khó khăn trong đời sống tinh thần và làm ăn của quần chúng”¹.

Thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, của tỉnh Bắc Kạn, Đảng bộ huyện Chợ Rã đưa ra nội dung chủ yếu của công tác sửa sai là minh oan cho tất cả những cán bộ, đảng viên, quần chúng bị quy sai thành phần, tăng cường đoàn kết toàn dân, bảo đảm các quyền tự do và làm chủ của nhân dân. Quán triệt tinh thần trên, công tác sửa sai ở Thượng Giáo diễn ra một cách khẩn trương, sâu sắc và triệt để. Các cán bộ sửa sai không chỉ đi sâu sát trong quần chúng mà còn biết dựa vào cán bộ cơ sở và những người có uy tín trong các thôn, bản để tổ chức học tập, thuyết phục nhân dân. Tiến hành sửa sai đã trả lại tự do cho nhiều người mà trước đây bị quy là địa chủ. Sửa sai đã xóa bỏ mặc cảm, hàng rào ngăn cách, tăng cường bầu không khí đoàn kết trong xã, góp phần ổn định đời sống.

Đồng thời với việc hoàn thành giảm tô và sửa sai, Chi bộ xã Thượng Giáo lãnh đạo nhân dân thực hiện kế hoạch ba năm khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa (1955-1957).

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn, *Kế hoạch sửa chữa sai lầm của tỉnh Bắc Kạn*, lưu trữ Huyện ủy Ba Bể, tr.2.

Thực hiện chủ trương của Huyện ủy là đẩy mạnh phát triển giống lúa Nam Ninh và lúa chiêm, chính quyền xã đã lãnh đạo nhân dân gieo cấy vụ đông - xuân 1954-1955. Bên cạnh đó, phong trào cày ải, làm chuồng trâu, gom phân, chuyển phân xuống ruộng có nhiều tiến bộ đã góp phần nâng cao năng suất, sản lượng lương thực. Ngoài ra, xã cũng chủ trương trồng các loại hoa màu khác như ngô, khoai, sắn... cho thu hoạch khá.

Chính quyền xã còn tổ chức, huy động nhân dân tập trung vào công tác thủy lợi, tiến hành tu sửa mương máng, cọn nước, đào ao, đắp các khe suối để dự trữ nước nhằm đáp ứng nhu cầu tưới, tiêu trong sản xuất. Nhờ đó, diện tích ruộng bỏ hoang dần thu hẹp, diện tích cấy vụ mùa được nâng cao, sản lượng lương thực của xã các năm đều tăng, đời sống nhân dân cơ bản ổn định.

Thực hiện chủ trương của Đảng, nông dân các bản trong xã Thượng Giáo cũng như trong toàn huyện Chợ Rã đã đi theo con đường làm ăn tập thể. Chi bộ xã tích cực mở những đợt học tập, vận động nông dân xây dựng tổ đổi công nhằm tăng cường thi đua sản xuất. Đầu tiên từ một bản, sau đó lan ra toàn xã. Đến năm 1957, xã xây dựng được 3 tổ đổi công. Phong trào đổi công chẳng những bảo đảm sản xuất kịp thời vụ mà còn tạo nên sức mạnh trong sản xuất, khắc phục thiên tai. Bên cạnh đó, nhờ xây dựng tổ đổi công nên nhiều hộ gia đình neo đơn đã được hỗ trợ thêm lao động, sức kéo, đồng thời, tăng thêm tình đoàn kết, gắn bó của nhân dân trong các bản.

Trong khôi phục kinh tế, bên cạnh sản xuất lương thực được coi là khâu chính, Chi bộ Thượng Giáo còn lãnh đạo nhân dân phát huy thế mạnh của xã miền núi đẩy mạnh chăn nuôi, nhất là về đại gia súc. Nhờ những cố gắng trong làm chuồng trại, chăm sóc trâu, bò mùa rét nên đã hạn chế số trâu, bò bị chết. Năm 1956, Thượng Giáo có đàn trâu 30 con, đàn bò 34 con, ngựa 17 con. Tuy nhiên, chăn nuôi trâu, bò, ngựa ở xã chưa tương ứng với tiềm năng, chăn nuôi lợn, gà, vịt vẫn mang tính chất tự túc, tự cấp là chính.

Ngoài trồng trọt và chăn nuôi, đồng bào các dân tộc vẫn thường xuyên khai thác các nguồn lâm thổ sản như gỗ, trúc, vầu, sa nhân, nấm hương, mộc nhĩ... phục vụ nhu cầu địa phương, đời sống gia đình.

Về giáo dục, Chi bộ Đảng phát động toàn dân thi đua học tập, đẩy mạnh thanh toán nạn mù chữ, vận động mọi người đi học, mở các lớp bình dân học vụ. Nhờ đó, số người biết đọc, biết viết ngày càng tăng lên. Tuy nhiên, giáo dục phổ thông của xã trong giai đoạn này còn chậm phát triển, số em trong độ tuổi đến trường ở nhà còn nhiều. Nguyên nhân của tình trạng này phần do các bậc cha mẹ chưa nhận thức đầy đủ việc học tập của con em mình, thiếu tinh thần động viên nhắc nhở, phần do trường xa đi lại khó khăn trong khi đời sống nhân dân và giáo viên còn nhiều thiếu thốn.

Về y tế, mặc dù chưa xây dựng được nơi làm việc nhưng cán bộ y tế xã vẫn làm tốt công tác khám chữa bệnh cho nhân dân. Nhờ vậy, sức khỏe của nhân dân được

đảm bảo, hầu như không xảy ra dịch bệnh lớn. Tuy nhiên, do trang thiết bị y tế, đội ngũ cán bộ ngành y của xã còn nhiều hạn chế nên một số căn bệnh (đặc biệt là sốt rét) còn xảy ra ở các bản.

Trong đời sống thường nhật, hoạt động văn nghệ quần chúng và thông tin tuyên truyền đã có nhiều cố gắng làm cho sinh hoạt tinh thần ở các bản mỗi ngày một đổi mới, sinh động hơn nên nhận được sự đồng tình, cổ vũ của nhân dân.

Trong khi đẩy mạnh khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa, công tác xây dựng Đảng, củng cố chính quyền và các đoàn thể quần chúng vẫn được coi là nhiệm vụ trọng tâm, có vai trò quyết định tới việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ khác. Chi bộ tổ chức các đợt sinh hoạt chính đồn Đảng, đấu tranh phê bình và tự phê bình, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong Đảng. Việc tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên được thực hiện tốt nhằm phổ biến các Nghị quyết, Chỉ thị của Trung ương đến cơ sở.

Nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang, củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh xã hội cũng được chú trọng. Dân quân xã được chính đồn, cán bộ chỉ huy xã đội cũng được kiện toàn đáp ứng căn bản yêu cầu xây dựng lực lượng và chỉ huy tác chiến. Công tác huấn luyện trong thời kỳ tiến hành giảm tô được đẩy mạnh nhằm củng cố cơ sở, xóa sạch tàn tích phi. Nội dung huấn luyện về chính trị, quân sự nhằm nâng cao nhận thức, đường lối, chính sách của

Đảng trong việc giữ gìn trị an, củng cố quốc phòng, nâng cao năng lực chiến đấu.

Sau hơn 3 năm (1954-1957) khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, hoàn thành giảm tô, giảm tức, Chi bộ Đảng xã lãnh đạo nhân dân vượt qua mọi khó khăn, phấn đấu giành nhiều thắng lợi quan trọng. Đời sống nhân dân được cải thiện, khắc phục nạn đói, cơ bản xóa nạn mù chữ. Quyền làm chủ ruộng đất của nhân dân được xác lập. Đây là điều kiện thuận lợi để xã Thượng Giáo bước vào thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa trong những năm tiếp theo.

2. Thực hiện kế hoạch 3 năm cải tạo quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, tiếp tục phát triển kinh tế - văn hóa (1958-1960)

Sau 3 năm khôi phục kinh tế, bộ mặt xã Thượng Giáo bước đầu có những biến đổi quan trọng. Năm 1958, Trung ương Đảng ra Nghị quyết số 14-NQ/TW về thực hiện kế hoạch ba năm (1958-1960): Nhiệm vụ quan trọng bậc nhất ở nông thôn hiện nay là đẩy mạnh sản xuất đi đôi với củng cố và phát triển phong trào đôi công hợp tác. Đồng thời, trên cơ sở kinh tế phát triển, thúc đẩy các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế ở nông thôn.

Quán triệt Nghị quyết Trung ương lần thứ 14 và căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương, tháng 9-1958, Chi bộ Đảng xã Thượng Giáo tiến hành Đại hội, nhiệm kỳ 1958-1960. Đại hội đánh giá kết quả công tác nhiệm kỳ 1955-1957, đề ra phương hướng trong giai đoạn mới, xác định trọng tâm là: Tiến hành cải tạo nông nghiệp, đưa

nông dân vào tổ đổi công, tiến lên xây dựng hợp tác xã; đẩy mạnh sản xuất, giải quyết vấn đề lương thực; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Đại hội bầu đồng chí Triệu Văn Hoa tiếp tục làm Bí thư Chi bộ (Chủ tịch Ủy ban hành chính xã).

Sau Đại hội, Chi bộ Đảng và nhân dân Thượng Giáo tích cực chuẩn bị cho việc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở địa phương. Tiến hành vận động hợp tác hóa nông nghiệp, Thượng Giáo đứng trước nhiều khó khăn: ruộng đất phân tán, manh mún, phần lớn là các chân ruộng bậc thang nằm rải rác trong các thung lũng, trong đó một số ruộng chỉ sản xuất được một vụ, phương thức canh tác lạc hậu, trình độ tổ chức, quản lý sản xuất yếu kém, cơ sở vật chất kỹ thuật hầu như không có.

Mặc dù vậy, phong trào hợp tác hóa nông nghiệp Thượng Giáo cũng có những thuận lợi rất căn bản: Chi bộ vừa được củng cố, nhân dân các dân tộc Thượng Giáo có truyền thống yêu nước, cách mạng, cần cù lao động, lại vừa trải qua các cuộc vận động chính trị làm cho vị trí của giai cấp nông dân được đề cao, giữ vai trò làm chủ nông thôn, công cuộc khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa, giáo dục đạt được nhiều thắng lợi có tác dụng cải thiện một bước đời sống, củng cố niềm tin của đồng bào đối với chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Thực hiện nhiệm vụ do Trung ương Đảng đề ra, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Huyện ủy Chợ Rã cũng xác định nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa chủ yếu là thực hiện cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp đối với nông dân.

Phương châm tiến hành là: tích cực lãnh đạo, vững bước tiến lên, quy hoạch về mọi mặt, sát với từng vùng, làm tốt, vững và gọn. Ba nguyên tắc cần bảo đảm trong quá trình xây dựng, củng cố hợp tác xã là: tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ.

Hầu hết nông dân trong xã đều tham gia học tập Nghị quyết của Đảng, sự giác ngộ giai cấp của quần chúng được nâng lên rõ rệt. Cuộc vận động đã cổ vũ mạnh mẽ nhân dân các dân tộc tham gia hợp tác xã nông nghiệp và củng cố quan hệ sản xuất mới. Trong khoảng thời gian tiến hành cuộc vận động (từ giữa tháng 12-1959 đến cuối tháng 6-1960), số hộ tham gia hợp tác xã của xã Thượng Giáo là 88,8%, được xem là một trong những xã có tỷ lệ cao nhất huyện. Đến cuối năm 1960, Thượng Giáo thành lập được các hợp tác xã: hợp tác xã Phổ Cũ do ông Triệu Văn Đệ làm Chủ nhiệm, hợp tác xã Bạch Bàn do ông Hoàng Văn Minh làm Chủ nhiệm, hợp tác xã Bản Pục do ông Hoàng Nông Chắt làm Chủ nhiệm, hợp tác xã Phiêng Chì do ông Nông Văn Tỉn làm Chủ nhiệm, hợp tác xã Nà Ché do ông Sầm Dương Sáng làm Chủ nhiệm.

Mỗi hợp tác xã nông nghiệp đều có Ban Quản trị, Ban Kiểm soát... Hàng tuần, chủ nhiệm và kế toán các hợp tác xã tổ chức hội ý, từ đó nắm tình hình và trao đổi kinh nghiệm, tìm những biện pháp đẩy mạnh phong trào. Để hoạt động hiệu quả, mỗi hợp tác xã nông nghiệp đều chia ra thành các đội sản xuất do các đội trưởng trực tiếp điều hành công việc hàng ngày cho các xã viên bằng bình công, chấm điểm. Thu nhập của xã viên hưởng theo hình thức làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít.

Do xây dựng được hợp tác xã với sức mạnh tập thể nên xã viên có nhiều điều kiện thuận lợi để áp dụng các biện pháp kỹ thuật vào sản xuất. Việc trồng lúa Nam Ninh được triển khai trên toàn xã. Phong trào tích trữ, ủ phân sạch làng, tốt ruộng được đông đảo nhân dân nhất là lực lượng đoàn viên, thanh niên, phụ nữ hưởng ứng và đi đầu, vụ đông - xuân năm 1958-1959 đạt 230kg phân/bung. Các biện pháp kỹ thuật từ khâu ngâm mạ (nước ấm) đến cày sâu, bừa kỹ, cấy dày, nhỏ dặm được áp dụng khá phổ biến. Kết quả vụ đông xuân sản xuất lúa chiêm cho năng suất 222 kg/bung và lúa Nam Ninh đạt 240 kg/bung. Tuy nhiên, sản xuất lúa năm 1960 bị thiên tai nặng nề, vụ đông xuân trên các cánh đồng của các hợp tác xã gặp nạn châu chấu, sâu cắn lúa và chuột phá hoại, tiếp theo là vụ mùa bị sâu làm hại. Trước tình hình đó, Chi bộ Đảng kịp thời lãnh đạo các hợp tác xã diệt trừ sâu bệnh, đồng thời tăng cường các phương tiện và thuốc bảo vệ thực vật cho các hợp tác xã, nên đã hạn chế được sự thiệt hại mùa màng, về cơ bản vẫn đảm bảo được nhu cầu về lương thực của xã, năng suất lúa năm 1960 đạt 22 tạ/ha.

Cùng với những tiến bộ trong trồng trọt, chăn nuôi cũng có sự tăng trưởng đáng kể. Đàn trâu năm 1958 là 40 con, đến năm 1960 tăng 56 con; đàn lợn tăng từ 120 con (1958) lên 160 con (1960), gia cầm phát triển khá, với đàn gà, vịt, ngan, ngỗng gần 3.500 con (1960). Mặc dù vậy, xã vẫn chưa phát huy hết tiềm năng chăn nuôi, tốc độ phát triển còn chậm và chưa đạt kế hoạch. Chăn nuôi trong nhân dân chủ yếu là để giải quyết sức kéo, đáp ứng yêu

cầu tự túc, tự cấp về thực phẩm. Vì thế, chăn nuôi được xem là ngành phụ, gây mất cân đối trong sự phát triển kinh tế nông nghiệp.

Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng bộ huyện xác định nghề rừng là một lĩnh vực quan trọng trong cơ cấu kinh tế. Quán triệt chủ trương của cấp trên, Thượng Giáo luôn ý thức việc bảo vệ rừng, nhấn mạnh việc trồng cây gây rừng, nhất là những khu rừng đầu nguồn. Tuy nhiên, trong tổ chức, chỉ đạo của các cấp, các ngành còn thiếu sâu sát, chặt chẽ, nên kết quả thu được thấp. Hơn nữa, tác hại của việc đốt rừng làm nương rẫy cũng khiến cho một số diện tích rừng bị cháy, gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài nguyên, ảnh hưởng lớn đến môi trường sinh thái.

Sự phát triển kinh tế tạo điều kiện để xã đẩy mạnh sự nghiệp văn hóa - xã hội. Xã cố gắng duy trì các lớp bình dân học vụ, xóa mù chữ cho hàng trăm người từ vùng cao tới vùng thấp và bổ túc trình độ học vấn cho các cán bộ, đội trưởng sản xuất và nhân dân. Cuộc vận động xây dựng nếp sống mới, giảm nhẹ các hủ tục lạc hậu trong ma chay, cưới xin tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về tư tưởng trong nhân dân.

Về công tác xây dựng Đảng, qua việc lãnh đạo tổ chức thực hiện những nhiệm vụ của địa phương, Chi bộ đã chú trọng tăng cường sinh hoạt tư tưởng, lãnh đạo đảng viên học tập nghiêm túc các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương và cấp trên, thường xuyên nắm vững diễn biến tư tưởng của đảng viên.

Được sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Huyện ủy, từ giữa tháng 12-1959, Chi bộ Đảng xã đã triển khai thực hiện

Chỉ thị 156-CT/TW của Trung ương về cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ. Nội dung của cuộc vận động là tuyên truyền, giáo dục tư tưởng cho quần chúng, phân rõ ranh giới giữa lao động và bóc lột, giữa nông dân với địa chủ, xóa bỏ những tàn tích của chế độ phong kiến về chiếm hữu ruộng đất, giáo dục ý thức giác ngộ giai cấp, giác ngộ xã hội chủ nghĩa, tổ chức nông dân đi vào con đường hợp tác xã, tăng cường đoàn kết dân tộc, đoàn kết trong nông dân lao động, đẩy mạnh hoạt động của các ngành quân, dân, chính, Đảng lên thêm một bước¹.

Việc triển khai Chỉ thị 156-CT/TW của Trung ương thực sự là một cuộc sinh hoạt chính trị nhằm nâng cao tính chất giai cấp tiên phong cách mạng của Đảng. Trong Chi bộ đã đẩy mạnh đấu tranh tự phê bình và phê bình nhằm giữ vững kỷ luật của Đảng, làm trong sạch hàng ngũ đảng viên. Chi bộ thường xuyên tổ chức nhiều đợt tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Do đó, đảng viên chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, thực hiện nghĩa vụ lương thực, thực phẩm vượt mức kế hoạch, đoàn kết nội bộ, có ý thức đấu tranh, xây dựng Đảng; nêu cao được vai trò lãnh đạo của mình trong việc vận động nhân dân vào hợp tác xã đạt kết quả tốt.

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Rã, (Số 28-BC/CR), *Báo cáo tổng kết công tác hợp tác hóa nông nghiệp kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ*, lưu trữ tại Huyện ủy Ba Bể, tr. 3-4.

Giai đoạn 1958-1960, Chi bộ Đảng xã Thượng Giáo đã lãnh đạo nhân dân giành được nhiều thành tích trong việc thực hiện kế hoạch 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được hình thành, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện và ổn định, tạo ra cơ sở thuận lợi để bước vào giai đoạn cách mạng mới, thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, bước đầu xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội.

3. Thi đua thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965)

Đến cuối năm 1960, toàn miền Bắc đã căn bản hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, tạo dựng được những điều kiện quan trọng, thuận lợi để tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm hậu phương vững chắc cho cách mạng miền Nam.

Tháng 9-1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng diễn ra tại Thủ đô Hà Nội đã xác định rõ nhiệm vụ chiến lược của cách mạng là: “Đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đồng thời hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, tiến tới thống nhất đất nước”. Để xây dựng miền Bắc thành hậu phương vững mạnh, Đại hội đã đề ra đường lối chung và được cụ thể hóa trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965).

Để cán bộ, đảng viên nắm rõ được tinh thần Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, Chi bộ Đảng Thượng Giáo tập trung giáo dục và tuyên truyền về thắng

lợi của Đại hội. Đồng thời, Chi bộ tiến hành đấu tranh phê bình và tự phê bình, song song với việc vận động quần chúng tham gia đóng góp ý kiến xây dựng Đảng. Nhờ đó, phẩm chất chính trị của cán bộ, đảng viên được nâng lên, thấm nhuần 4 quan điểm của Đảng: Nâng cao ý thức làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng quan điểm phục vụ sản xuất, cần kiệm xây dựng nước nhà, tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Tháng 12-1960, Đại hội Chi bộ xã Thượng Giáo nhiệm kỳ 1961-1963 được tiến hành. Đại hội kiểm điểm việc thực hiện nhiệm vụ của nhiệm kỳ trước, nhận định phong trào hợp tác xã ở địa phương phát triển nhanh nhưng còn bộc lộ một số nhược điểm như: năng lực quản lý của cán bộ còn yếu, công tác giáo dục xã viên chưa được diễn ra thường xuyên, cơ sở vật chất nghèo nàn và công cụ sản xuất thô sơ. Qua đó, Đại hội đề ra phương hướng phát triển cho xã trong giai đoạn tới: “Lấy củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa là cơ sở để phát triển văn hóa, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965)”. Đại hội bầu đồng chí Triệu Văn Độ làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Hoàng Kim Khoanh làm Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban hành chính xã).

Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy Ba Bể và Chi bộ Đảng xã Thượng Giáo, cán bộ, đảng viên, nhân dân Thượng Giáo hăng hái thi đua sản xuất, thực hiện kế hoạch 5 năm (1961-1965).

Thông qua các cuộc vận động chính trị xây dựng vùng xung yếu, xây dựng Đảng theo yêu cầu nhiệm vụ mới, công tác giáo dục chính trị trong cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc được đẩy mạnh. Với xã vùng cao như Thượng Giáo, cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp còn được gắn liền với cuộc vận động định canh, định cư. Trên cơ sở định canh, định cư, các hợp tác xã nông nghiệp được tổ chức thêm. Tuy nhiên, việc định canh, định cư, tổ chức hợp tác xã nông nghiệp trong đồng bào dân tộc ít người ở các thôn, bản vùng sâu của xã còn gặp nhiều khó khăn, nhất là đối với bộ phận người Dao. Nguyên nhân chủ yếu là do thiếu ruộng đất hoặc nước tưới cho những vùng có điều kiện vỡ hoang.

Sau 3 năm xây dựng hợp tác xã, đến năm 1962, đã có một số hợp tác xã của đồng bào Tày ở Thượng Giáo xây dựng được kế hoạch sản xuất toàn năm. Công tác quản lý hợp tác xã chủ yếu là đưa dân hợp tác xã thực hiện ba khoán, ba quản. Từ năm 1962, các hợp tác xã nhờ xây dựng được kế hoạch sản xuất, thực hiện được ba khoán, ba quản tương đối tốt nên nâng cao được năng suất lao động và tạo điều kiện phát triển ngành nghề, đời sống nhân dân được cải thiện từng bước, nên quyền lợi của xã viên gắn bó với hợp tác xã.

Để đẩy mạnh nông nghiệp, Chi bộ Đảng đã vận động nhân dân hưởng ứng các phong trào do tỉnh, huyện phát động: “Đèo Giàng anh dũng, đông - xuân đại thắng”, “Vượt gió Đại Phong, đông - xuân chiến thắng”. Nhân dân thực hiện thâm canh tăng vụ, phấn đấu đạt ba chỉ tiêu

về diện tích, năng suất và sản lượng. Mở rộng diện tích lúa chiêm và lúa Nam Ninh trong sản xuất vụ đông - xuân được coi là giải pháp tăng vòng quay của đất.

Để thực hiện thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất lúa, vấn đề phân bón và các biện pháp kỹ thuật nông nghiệp được xác định là mấu chốt. Vì thế, nhiều chiến dịch làm phân được phát động, thanh niên, phụ nữ là những người giữ vai trò chủ chốt sản xuất phân xanh, thu gom phân chuồng... Các biện pháp kỹ thuật và sử dụng nông cụ cải tiến ngày càng được áp dụng rộng rãi. Từ việc sử dụng cây 51, bừa đôi bảo đảm cây sâu, bừa kỹ đến việc cấy nhỏ dành, cấy dày hợp lý đúng yêu cầu kỹ thuật và làm cỏ bằng cào răng sắt, sục bùn phù hợp với quá trình sinh trưởng của cây lúa được thực hiện chặt chẽ. Nhờ đó, diện tích và năng suất lúa đông - xuân (cả lúa chiêm và lúa Nam Ninh) từ năm 1961-1963 không ngừng tăng lên, đạt và vượt kế hoạch trên giao.

Sau khi kết thúc thu hoạch vụ đông - xuân, các hợp tác xã lại khẩn trương đẩy mạnh sản xuất vụ mùa cho kịp thời vụ. Đoàn viên thanh niên là lực lượng xung kích đi đầu trong phong trào. Với khẩu hiệu "Phát cao cờ Đoàn giành vụ mùa thắng lợi", các chi Đoàn Thanh niên đã tổ chức lực lượng tranh thủ mọi thời gian cấy bừa sáng, chiều, quyết tâm giành vụ mùa thắng lợi. Nhìn chung, năm 1963, năng suất và sản lượng lương thực của xã đạt xấp xỉ chỉ tiêu trên giao.

Thực hiện chủ trương "làm thủy lợi 2 năm" do tỉnh và huyện phát động, các hợp tác xã đã vận động nhân dân tập

trung vào công tác thủy lợi. Nhờ những cố gắng, xã vẫn đảm bảo được diện tích cấy cả hai vụ theo kế hoạch. Bên cạnh đó, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VII “Lấy thâm canh tăng vụ là chính, đồng thời tích cực khai hoang phục hóa mở rộng diện tích nơi nào có điều kiện, trong tăng vụ cần phát triển chiêm rét”¹, diện tích lúa vụ đông - xuân 1964-1965 tiếp tục được mở rộng.

Trong 5 năm 1961-1965, chăn nuôi đại gia súc, gia cầm chủ yếu vẫn là các hộ gia đình. Thực hiện chủ trương của Đảng bộ huyện, Thượng Giáo tích cực sửa chữa chuồng trại, có ván lát sàn, che chắn gió lạnh mùa đông, tích trữ rơm rạ cho trâu, bò ăn trong những ngày giá rét. Tuy vậy, ở một số thôn, bản, tình trạng thả rông trâu, bò còn phổ biến, việc chăm sóc, phòng dịch còn hạn chế nên đàn trâu, bò chưa đáp ứng được nhu cầu sức kéo của các hợp tác xã.

Lâm nghiệp của xã cũng giữ vị trí quan trọng, nhằm khai thác và phát huy những tiềm năng của rừng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chi bộ tăng cường tuyên truyền giáo dục trong nhân dân nâng cao trách nhiệm bảo vệ rừng, trồng cây gây rừng, ngăn chặn các hoạt động đốt rừng làm nương rẫy. Nhân dân đã hăng hái tham gia trồng cây lấy gỗ, lấy dầu, trúc xuất khẩu và khai thác các nguồn lợi khác như nấm hương, mộc nhĩ...

Ngày 21-2-1963, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 17/CP quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Rã, *Báo cáo tổng kết năm 1965*, lưu trữ Huyện ủy Ba Bể, tr.1.

máy thực hiện công tác khai hoang. Triển khai công tác khai hoang, Thượng Giáo đã tiếp nhận một bộ phận dân cư từ các tỉnh dưới xuôi (đặc biệt là Thái Bình) lên phát triển kinh tế, văn hóa miền núi. Phát huy tinh thần đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, Chi bộ Đảng, chính quyền cùng nhân dân trong xã đã phối hợp với các đoàn khai hoang, xây dựng phương án, lập kế hoạch, bố trí, sắp xếp chỗ ở xen kẽ cho nhân dân đến khai hoang và nhân dân địa phương. Đồng thời, tích cực giúp đỡ bà con làm quen với phong tục, tập quán đồng bào các dân tộc; tổ chức hình thành các đội sản xuất, hợp tác xã nông nghiệp.

Được tận tình giúp đỡ, “đồng bào khai hoang” (theo cách gọi của đồng bào miền núi) đã ổn định sản xuất, đời sống, tham gia phát triển kinh tế, văn hóa giáo dục, thực hiện đóng góp nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước...

Đồng thời với việc đẩy mạnh phát triển kinh tế, Chi bộ còn ra sức lãnh đạo sự nghiệp phát triển văn hóa, giáo dục, nâng cao một bước trình độ dân trí, đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân, góp phần quan trọng vào việc đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ có tri thức cho địa phương và đất nước.

Về giáo dục, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, điều kiện thực hành, nhưng với quyết tâm thi đua “Dạy tốt, học tốt”, thầy và trò xã Thượng Giáo đã vượt lên khó khăn để tích cực học tập, hầu hết con em các dân tộc đều được tạo điều kiện học hành. Bên cạnh giáo dục phổ thông, phong trào bình dân học vụ và bổ túc văn hóa trong

5 năm cũng đạt được nhiều thành quả quan trọng. Trong hai năm 1962-1963, Ty Giáo dục đã tổ chức các đội thanh niên xung phong với hàng trăm giáo viên thanh niên lên các xã vùng cao và một số xã vùng thấp làm nhiệm vụ diệt dốt. Kết quả năm 1963, Thượng Giáo đã “Xóa căn bản xong nạn mù chữ vùng thấp đến vùng cao”¹.

Về y tế, với phương châm phòng bệnh hơn chữa bệnh, cán bộ y tế đã kết hợp với cán bộ, nhân viên y tế huyện, lực lượng đoàn viên thanh niên... mở nhiều đợt tuyên truyền đến nhân dân về thực hiện nếp sống vệ sinh: làm hố xí hai ngăn, đào giếng, làm nhà tắm, ăn chín, uống sôi, nằm màn... Nhờ đó, hạn chế được dịch bệnh sốt rét, một số dịch bệnh của trẻ em như ho gà, trực trùng đường ruột kịp thời được dập tắt ngay khi mới nảy sinh.

Là một huyện vùng cao tiếp giáp với nhiều tỉnh, Chợ Rã trở thành một trong những huyện xung yếu của tỉnh Bắc Kạn. Thực hiện chủ trương của Trung ương và Tỉnh ủy, Đảng bộ huyện Chợ Rã triển khai cuộc vận động xây dựng vùng xung yếu, củng cố các xã trong huyện, trong đó có Thượng Giáo. Một trong những mục tiêu của cuộc vận động vùng xung yếu là làm trong sạch địa bàn, giữ vững an ninh xã hội, củng cố quốc phòng. Đây là một công tác khó khăn phức tạp. Tuy nhiên, xuất phát từ nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ này và yêu cầu của cuộc vận động xây dựng vùng xung yếu, Chi bộ Đảng đã tăng cường lãnh đạo phong trào bảo vệ trị an trong dân quân tự vệ và nhân

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Rã (Số 6-BC/CR), *Báo cáo tổng kết năm 1963*, lưu trữ tại Huyện ủy Ba Bể, tr. 22.

dân. Cuộc vận động xây dựng vùng xung yếu còn củng cố chính quyền cơ sở, đẩy mạnh hoạt động của các ngành, các giới, đặc biệt là công tác xây dựng lực lượng vũ trang và động viên tuyên quân bảo vệ Tổ quốc.

Trước âm mưu phá hoại hậu phương miền Bắc của đế quốc Mỹ, công tác quân sự được tiến hành theo yêu cầu nhiệm vụ mới. Lực lượng dân quân xã được củng cố về tổ chức, phát triển về số lượng. Công tác huấn luyện về chính trị, tư tưởng, năng lực tổ chức, chỉ huy, hợp đồng chiến đấu được quán triệt theo phương án chống gián điệp, biệt kích. Nhân dân mỗi khi được báo động không chỉ khẩn trương tham gia phát hiện, vây bắt gián điệp, biệt kích mà còn ủng hộ lương thực, thực phẩm cho lực lượng vũ trang địa phương tiến hành nhiệm vụ. Năm 1963, dân quân xã Thượng Giáo đã phối hợp với các đơn vị bạn truy bắt toán biệt kích 6 tên nhảy dù xuống Phủ Thông.

Trong công tác xây dựng Đảng, để tạo chuyển biến trong nhận thức, Chi bộ xã Thượng Giáo luôn quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VI (tháng 5-1963) xác định: “Công tác tuyên truyền giáo dục đảng viên là một trong những công tác tuyệt đối quan trọng, nó là sự sống còn của đảng viên”¹. Tiếp đó, Chi bộ triển khai cuộc vận động xây dựng đảng viên “4 tốt”, chi bộ “4 tốt”. Nhờ đó, số lượng đảng viên của xã không ngừng tăng lên.

1. Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Rã tại Đại hội Đảng bộ lần thứ VI, lưu trữ tại Huyện ủy Ba Bể, tr. 43.

Năm 1964, đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh xâm lược nước ta ở cả hai miền Nam - Bắc. Ngày 27-3-1964, Chủ tịch Hồ Chí Minh triệu tập Hội nghị chính trị đặc biệt kêu gọi quân và dân miền Bắc: làm việc bằng hai để chi viện cho đồng bào miền Nam ruột thịt.

Trước những diễn biến mới của tình hình trong nước, đầu năm 1964, Chi bộ xã Thượng Giáo tiến hành Đại hội nhiệm kỳ 1964-1966. Đại hội đã đề ra các biện pháp về tăng cường công tác phòng không nhân dân, sẵn sàng đối phó với các âm mưu, thủ đoạn chiến tranh của đế quốc Mỹ. Đại hội bầu Ban Chi ủy khóa mới, đồng chí Ma Nguyễn Thủy được bầu làm Bí thư, đồng chí Hoàng Kim Khoanh được bầu làm Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban hành chính xã).

Tháng 8-1964, đế quốc Mỹ dựng lên sự kiện “Vịnh Bắc Bộ” nhằm phát động cuộc chiến tranh leo thang phá hoại ra miền Bắc bằng không quân và hải quân. Từ đây, công cuộc phát triển kinh tế, xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân miền Bắc nói chung, nhân dân các dân tộc xã Thượng Giáo nói riêng phải chuyển sang một giai đoạn mới - giai đoạn vừa sản xuất vừa sẵn sàng chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược, bảo vệ miền Bắc, chi viện cho tiền tuyến miền Nam.

Sau hơn 10 năm (1954-1965) tích cực triển khai, cụ thể hóa các chủ trương, chính sách, đường lối của Đảng; các Chỉ thị của Khu ủy, Tỉnh ủy Bắc Kạn, Huyện ủy Chợ Rã, Chi bộ và nhân dân các dân tộc xã Thượng Giáo đã

giành được những thành tựu đáng kể. Tính đến năm 1964, hơn 90% số hộ nông dân đã vào hợp tác xã, nền kinh tế phát triển toàn diện, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện, an ninh - quốc phòng được đảm bảo. Chi bộ Đảng xã không ngừng lớn mạnh cả về tư tưởng và tổ chức, năng lực quản lý, điều hành của chính quyền được nâng lên. Những thành tích đạt được chứng minh đường lối lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ta là đúng đắn, kịp thời, Chi bộ đã biết vận dụng một cách linh hoạt phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, góp phần đưa quê hương tiếp tục phát triển đi lên.

II. TIẾP TỤC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI, ĐẨY MẠNH CHI VIỆN CHO CHIẾN TRƯỜNG MIỀN NAM, GÓP PHẦN THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1965-1975)

1. Lãnh đạo nhân dân xây dựng chủ nghĩa xã hội, sẵn sàng chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ (1965-1968)

Trước âm mưu và hành động phá hoại miền Bắc của đế quốc Mỹ, ngày 25-3-1965, Đảng ta họp Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 11 (khóa III). Hội nghị đề ra nhiệm vụ quan trọng của quân và dân miền Bắc trong tình hình mới là ra sức xây dựng miền Bắc trở thành hậu phương lớn, vững chắc của cách mạng cả nước, vừa bảo đảm đời sống nhân dân, đáp ứng nhu cầu đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, vừa ra sức chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Bắc Thái¹, Huyện ủy Chợ Rã, Chi bộ, chính quyền xã Thượng Giáo đã triển khai các đợt sinh hoạt chính trị học tập Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 của Trung ương và phổ biến sâu rộng trong nhân dân các dân tộc, nhằm quán triệt những nhiệm vụ cách mạng mà Đảng ta đã vạch ra, đồng thời khẳng định quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Bắc Thái và Ban Thường vụ huyện ủy Chợ Rã, cuối năm 1965, Chi bộ Thượng Giáo tiến hành Đại hội nhiệm kỳ 1966-1967. Đại hội đánh giá các mặt công tác trong nhiệm kỳ trước, qua đó đề ra nhiệm vụ quan trọng về kinh tế - xã hội và quốc phòng nhằm củng cố hậu phương vững mạnh về mọi mặt, sẵn sàng chi viện cho tiền tuyến. Đại hội bầu Ban Chi ủy nhiệm kỳ mới do đồng chí Hoàng Kim Khoanh làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Trần Văn Bật làm Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban hành chính xã).

Quán triệt chủ trương của Đại hội, Chi bộ xã Thượng Giáo đã lãnh đạo cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã nhanh chóng thực hiện những nhiệm vụ cách mạng mới.

Trong sản xuất nông nghiệp, Chi bộ tập trung mọi cố gắng lãnh đạo nhân dân, các hợp tác xã thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch về diện tích, năng suất, sản lượng. Đối với một xã vùng cao, việc tiến hành trồng lúa, hoa màu

1. Ngày 1-7-1965, theo Quyết định của Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn sáp nhập thành tỉnh Bắc Thái.

luôn phải đối phó với thiên tai, hạn hán. Phần lớn ruộng đất được tưới nước bằng hệ thống thủy lợi nương phai, song rất ít công trình được xây dựng kiên cố vững chắc, vì các hợp tác xã không có khả năng đầu tư, do vậy việc sửa chữa nương phai bằng sức lao động của đồng bào trở thành yêu cầu lớn trong mỗi vụ sản xuất. Để bảo đảm nước tưới, hàng năm, xã đã huy động các đội thủy lợi sửa chữa những hư hại của nương máng, guồng nước sau cơn lũ quét, đặt và củng cố các trạm bơm.

Bên cạnh thủy lợi, xã cũng đưa vào gieo cấy một số giống lúa mới cho năng suất cao hơn. Phong trào làm phân xanh, gom phân chuồng, chuyển phân xuống ruộng được đẩy mạnh trong các hợp tác xã.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn xã dấy lên phong trào thi đua yêu nước hết sức sôi nổi với tinh thần “Mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt”. Đoàn Thanh niên xã có phong trào “Ba sẵn sàng”, là lực lượng chủ chốt trong các đợt thủy lợi tiến công “diệt” ruộng cạn, đi đầu trong phong trào làm phân, làm ruộng tăng sản và nhận chăm bón ruộng xấu thành ruộng tốt. Hội Phụ nữ thực hiện phong trào “Ba đảm đang”, các chị em không chỉ đảm đang việc nhà cho chồng, con yên tâm lên đường chiến đấu, tích cực tham gia sản xuất xây dựng đời sống mới. Các cụ phụ lão của xã cũng hăng hái tham gia chống Mỹ cứu nước, ra sức thực hiện cuộc vận động trị an thời chiến, tham gia báo động tập dượt vây bắt biệt kích đồng thời còn là lực lượng chủ chốt trong phong trào trồng cây xanh.

Thực hiện phong trào “Ba ngọn cờ hồng”, song song với việc xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, năm 1967, hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tín dụng ở Thượng Giáo được thành lập. Hợp tác xã mua bán do ông Ma Nguyễn Thủy làm Chủ nhiệm, hợp tác xã tín dụng do ông Hoàng Văn Minh làm Chủ nhiệm.

Để tăng cường hơn nữa công tác lãnh đạo của Đảng trên các lĩnh vực, năm 1967, Chi bộ xã Thượng Giáo tiến hành Đại hội nhiệm kỳ 1967-1969. Đại hội đánh giá những kết quả đạt được trong nhiệm kỳ trước đồng thời đưa ra phương hướng, nhiệm vụ về phát triển kinh tế, lãnh đạo quân và dân địa phương tiếp tục sẵn sàng chiến đấu, xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền. Đại hội bầu ra Ban Chi ủy khóa mới do đồng chí Triệu Văn Độ giữ chức Bí thư Chi bộ, đồng chí Trần Văn Bật làm Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban hành chính xã).

Quán triệt chủ trương phát triển nông nghiệp toàn diện mà Trung ương cũng như Tỉnh ủy, Huyện ủy đã đề ra, Chi bộ xã ra sức lãnh đạo các cơ sở phát triển chăn nuôi gia súc và gia cầm, một mặt đáp ứng yêu cầu mới của gia đình, hợp tác xã và địa phương, mặt khác để đóng góp cho nhu cầu kháng chiến. Do được sự đầu tư, chăm sóc cũng như công tác phòng chống dịch bệnh tốt nên đàn vật nuôi của xã ngày càng tăng, nhất là đàn trâu. Sản xuất hoa màu phát triển đã thúc đẩy số lượng gia cầm tăng nhanh, góp phần cải thiện đời sống của nhân dân.

Bên cạnh việc chú trọng đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, Chi bộ còn quan tâm lãnh đạo xây dựng và phát

triển các ngành nghề khác nhằm tạo nên một cơ cấu kinh tế hợp lý. Thực hiện lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, việc trồng cây gây rừng vào dịp đầu xuân đã thu hút đông đảo các cơ quan, trường học và mọi tầng lớp nhân dân tham gia nhằm hạn chế sự xói mòn của mưa lũ, có thêm nguồn vật liệu.

Về giáo dục, trong chiến tranh phá hoại, mặc dù trường sở sơ tán¹, nhưng sự nghiệp giáo dục ở huyện Chợ Rã nói chung và xã Thượng Giáo nói riêng vẫn không ngừng phát triển. Dựa vào sự giúp đỡ của các hợp tác xã về cơ sở vật chất và giáo viên, các lớp vỡ lòng vẫn được duy trì. Phong trào thi đua “Hai tốt” nhằm nâng cao chất lượng giáo dục ở bậc phổ thông diễn ra sôi nổi, tạo nên những chuyển biến trong dạy của thầy và học của trò.

Công tác văn hóa thông tin đã góp phần giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã nêu cao tinh thần yêu nước, xây dựng ý chí quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Các bản đều có các đội văn nghệ xung kích biểu diễn với tinh thần “Tiếng hát át tiếng bom”, động viên nhân dân phấn khởi, thực hiện tốt nghĩa vụ công dân.

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe cho cán bộ và nhân dân được tăng cường. Cuộc vận động tuyên truyền phòng chống dịch bệnh cho cộng đồng các dân tộc được thực hiện tốt. Việc mở rộng và phát huy mạng lưới y tế đã có tác dụng nâng cao nhận thức của đồng bào vùng cao, động

1. Tập thể giáo viên ở Nà Đon, khối lớp 1 ở Nà Hán, khối lớp 2 ở Khuổi Lự, khối lớp 3 ở Nà Ngoan, khối lớp 4 ở Nà Kẹm. Hiệu trưởng trường lúc này là thầy Vi Nguyễn Hội.

viên được đông đảo bà con dùng thuốc chữa bệnh, giảm bớt cứng bái, mê tín dị đoan.

Trong những năm tháng khó khăn, công tác xây dựng Đảng vẫn được coi là yếu tố quyết định. Nhận thức được điều này, trong suốt giai đoạn 1965-1968, công tác xây dựng Chi bộ, tổ Đảng và đảng viên đạt tiêu chuẩn “4 tốt” luôn được quan tâm chỉ đạo. Cuộc vận động xây dựng Đảng “4 tốt” không chỉ góp phần quan trọng tạo nên những chuyển biến về chính trị, tư tưởng trong Chi bộ mà còn tác động mạnh mẽ đến các tổ chức quần chúng.

2. củng cố hậu phương, ra sức chi viện cho tiền tuyến, góp phần đánh bại chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ ở miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc (1969-1975)

Ngày 1-11-1968, trước tổn thất nặng nề trên chiến trường Việt Nam, Mỹ buộc phải tuyên bố ngừng ném bom bắn phá miền Bắc, cùng với đại diện Chính phủ ta và đại diện Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ngồi vào bàn đàm phán bốn bên tại Pa-ri (Pháp). Tranh thủ thời gian miền Bắc không bị đánh phá, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đề ra nhiệm vụ trước mắt đối với miền Bắc là phải tranh thủ, tận dụng điều kiện hòa bình để khôi phục và phát triển sản xuất. Chấp hành chủ trương của Trung ương, dưới sự lãnh đạo của tỉnh và huyện, Chi bộ và nhân dân Thượng Giáo rất phấn khởi, tưng hào bước vào giai đoạn mới.

Đầu năm 1969, Đại hội Chi bộ xã Thượng Giáo nhiệm kỳ 1969-1971 được tiến hành. Đại hội đã đánh giá

những thành tích đạt được trong nhiệm kỳ 1967-1969 và đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ tiếp theo với nội dung chủ yếu: ra sức phát triển sản xuất, trọng tâm là nông nghiệp, lấy thâm canh là chính; tăng cường chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam; giữ vững an ninh trật tự, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị vững mạnh.. Đại hội bầu đồng chí Trần Văn Bật làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Triệu Văn Lượng làm Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban hành chính xã)¹.

Phong trào thi đua lao động sản xuất ở Thượng Giáo diễn ra hết sức sôi nổi. Các cuộc vận động “Không ngừng nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng ở nông thôn”, tiếp tục xây dựng Chi bộ, đảng viên “4 tốt” được tiến hành thường xuyên và liên tục.

Trong lúc cán bộ và nhân dân xã đang phấn khởi thi đua chào mừng kỷ niệm ngày Cách mạng Tháng Tám thành công và Quốc khánh 2-9 thì được tin Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời. Đây là một tổn thất vô cùng lớn lao đối với dân tộc ta. Nhân dân các dân tộc xã Thượng Giáo đã tiến hành tổ chức lễ truy điệu Bác trong niềm tiếc thương vô hạn. Toàn thể Chi bộ và nhân dân trong xã quyết tâm: tăng cường đoàn kết, biến đau thương thành hành động cách mạng trong lao động sản xuất, học tập, công tác và sẵn sàng chiến đấu, nguyện sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại.

1. Đến năm 1970, đồng chí Ngô Viết Minh thay đồng chí Triệu Văn Lượng làm Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban hành chính xã).

Ngày 29-9-1969, Bộ Chính trị ra Chỉ thị cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân mở đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn: học tập và làm theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Các phong trào thi đua lập công đền ơn Bác trong lao động sản xuất, trong xây dựng lực lượng vũ trang... được quân và dân trong xã tham gia, hưởng ứng tích cực.

Năm 1971, Chi bộ xã Thượng Giáo tiến hành Đại hội nhiệm kỳ 1971-1973. Đại hội rất phấn khởi về những thành tích mà cán bộ và nhân dân xã đã đạt được trong nhiệm kỳ 1969-1971. Đồng thời, Đại hội cũng nghiêm khắc kiểm điểm những hạn chế và thiếu sót còn tồn tại. Đại hội nhấn mạnh: Trong những năm tới, cần phải đẩy mạnh hơn nữa cuộc vận động xây dựng tổ chức, cơ sở Đảng “4 tốt”, đảm bảo cho mọi mặt sản xuất và sẵn sàng chiến đấu thắng lợi.

Đại hội tiến hành bầu Ban Chi ủy khóa mới. Ban Chi ủy bầu đồng chí Trần Văn Bật làm Bí thư Chi bộ¹, đồng chí Ma Triệu Ty làm Phó Bí thư Chi bộ (Chủ tịch Ủy ban hành chính xã).

Thực hiện phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế mà Nghị quyết Đại hội Chi bộ xã đề ra, Ban Chi ủy tập trung lãnh đạo đẩy mạnh sản xuất. Để giữ vững và nâng cao sản lượng lương thực, chủ trương của xã vẫn là kiên trì theo hướng thâm canh, tăng năng suất là chủ yếu, đồng thời chú trọng tăng vụ và khai hoang nhỏ.

1. Đến năm 1972, đồng chí Triệu Cao Vân thay đồng chí Trần Văn Bật làm Bí thư Chi bộ.

Chỉ thị 154-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc phát động 4 cao trào phục vụ thâm canh: thủy lợi, giao thông, bảo vệ rừng và phân bón là những định hướng quan trọng đối với Thượng Giáo. Quán triệt Chỉ thị của cấp trên, Chi bộ coi lãnh đạo công tác thủy lợi là nhiệm vụ hàng đầu, tập trung sức người, sức của cho mục tiêu biến ruộng cạn thành ruộng nước. Đồng thời với việc làm mương, phai dẫn nước từ suối vào ruộng, các hợp tác xã còn xúc tiến việc quy hoạch kiến thiết ruộng đồng, mương tiêu nước vừa tạo điều kiện thuận lợi cho giao thông đi lại, vận chuyển phân bón, thóc lúa bằng các phương tiện xe quệt, xe cải tiến...

Những cố gắng trong công tác thủy lợi kết hợp với việc xây dựng mạng lưới giao thông làng bản, đồng ruộng chẳng những hạn chế được nhiều chân ruộng hạn mà còn tạo điều kiện thâm canh tốt hơn, nâng cao năng suất, sản lượng lương thực của xã. Ngoài sản xuất lúa, đồng bào còn đẩy mạnh trồng các loại cây màu như: khoai, sắn, đỗ, lạc, vừng...

Tại các hợp tác xã, trong khi một bộ phận nam giới lên đường làm nghĩa vụ chống Mỹ, cứu nước... phụ nữ trở thành lực lượng lao động đông đảo ở hậu phương, giữ vai trò lao động chủ chốt. Chị em hăng hái tham gia trong các khâu sản xuất, đặc biệt là việc thực hiện các biện pháp khoa học kỹ thuật nông nghiệp nhằm tăng năng suất lúa. Số đông các chị, các mẹ phấn đấu đạt và vượt ngày công cao do Tỉnh ủy đề ra là 250 công/lao động/năm.

Đoàn Thanh niên đẩy mạnh phong trào “Ba sẵn sàng”, là lực lượng xung kích trên mặt trận sản xuất: đảm

bảo ngày công cao, đi đầu trong các phong trào làm thủy lợi, làm phân, nhận ruộng tăng sản... Chi bộ và Ban Quản trị hợp tác xã đã phát động thanh niên làm bèo hoa dâu, hưởng ứng phong trào “xanh đồng tốt ruộng”. Nhờ vậy, năng suất, sản lượng lúa và hoa màu của xã đều đạt chỉ tiêu đề ra.

Các hợp tác xã và hộ gia đình cũng tăng cường đầu tư cho chăn nuôi gia súc, gia cầm. Công tác thú y phòng chống dịch bệnh có nhiều cố gắng và tiến bộ, do vậy số lượng đàn vật nuôi ở các hợp tác xã và hộ gia đình không ngừng tăng trưởng.

Phát triển nghề rừng là một trong những thế mạnh của huyện cũng như của xã. Theo từng mùa, nhân dân khai thác các nguồn lâm thổ sản bán cho thương nghiệp góp phần cải thiện đời sống. Thực hiện Nghị quyết 06-NQ/HU về bảo vệ rừng của Huyện ủy, tình trạng phá rừng trong xã cũng giảm đi so với trước đây.

Các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp như: sản xuất gạch, ngói, nông cụ... hoạt động mang tính tự cấp, tự túc, song cũng có những bước tiến nhất định.

Ngoài việc xúc tiến ba cuộc vận động về đẩy mạnh lao động sản xuất, phát huy quyền làm chủ ở nông thôn, nâng cao chất lượng đảng viên, vai trò lãnh đạo của Đảng tại Chợ Rã còn được kết hợp với cuộc vận động hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, củng cố hợp tác xã nông nghiệp theo tinh thần Nghị quyết 58-NQ/BT ngày 30-4-1970 của tỉnh Bắc Thái. Các hợp tác xã đã thực hiện khá tốt điều hòa lương thực cho các đối tượng chính sách như gia đình

có con em tòng quân chiến đấu và phục vụ chiến đấu, gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng và những gia đình neo đơn, các cụ già không nơi nương tựa, nhờ đó góp phần ổn định hậu phương.

Giai đoạn 1970-1971, chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mỹ từng bước bị phá sản. Tháng 6-1971, Hội nghị quân sự Trung ương nêu quyết tâm chiến lược đẩy mạnh tiến công trên cả ba vùng chiến lược, tạo nên bước chuyển căn bản làm thay đổi cục diện chiến trường. Thực hiện chủ trương đó, mặc dù đời sống của nhân dân còn gặp rất nhiều khó khăn nhưng với quyết tâm: “Tiền tuyến gọi, hậu phương sẵn sàng”, “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”, thanh niên xã Thượng Giáo đã noi gương các thế hệ cha anh lên đường đánh giặc. Đặc biệt, các cụ phụ lão trong xã đã nhiệt tình quyên góp được 111 đồng để ủng hộ đồng bào miền Nam.

Cùng với đó, lĩnh vực văn hóa - xã hội luôn được thực hiện tốt. Các trường học phải sơ tán, đào hầm hào để tránh máy bay bắn phá, học sinh đến lớp phải đội mũ rơm. Do đó, đã đảm bảo và duy trì việc dạy tốt, học tốt. Công tác y tế đáp ứng được nhu cầu khám, chữa bệnh cho nhân dân.

Công tác xây dựng Đảng tiếp tục được đẩy mạnh. Trong năm 1971, cơ sở Đảng căn cứ vào nhiệm vụ chính trị cụ thể ở địa phương với 7 yêu cầu để nâng cao chất lượng đảng viên nêu trong Nghị quyết số 195-NQ/TW của Trung ương, từ đó đề ra kế hoạch, biện pháp cụ thể để

rèn luyện đảng viên trên các lĩnh vực học tập, lao động, sẵn sàng chiến đấu. Qua đó, Chi bộ Thượng Giáo ngày càng vững mạnh, tạo nên khối đoàn kết toàn dân ngày càng vững chắc. Các tổ chức Mặt trận, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ đều đã thực hiện tốt chức năng của mình, kịp thời động viên mọi người hăng hái lao động sản xuất và chiến đấu, chi viện lực lượng cho tiền tuyến.

Bước sang năm 1972, ở miền Nam, quân và dân ta đã chủ động liên tiếp mở các chiến dịch lớn, thu được nhiều thắng lợi to lớn. Nhằm cứu nguy cho nguy quân, nguy quyền Sài Gòn, tháng 4-1972, đế quốc Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai đối với miền Bắc.

Đứng trước tình hình đó, dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy Chợ Rã, xã Thượng Giáo đã kịp thời chuyển hướng mọi hoạt động nhằm đối phó với hành động phiêu lưu quân sự mới của đế quốc Mỹ. Với tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, lại có kinh nghiệm trong cuộc chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất nên việc phòng không sơ tán diễn ra nhanh chóng. Sản xuất và đời sống nhân dân nhanh chóng ổn định theo nếp sống và làm việc thời chiến. Các tiểu đội dân quân vừa xây dựng lực lượng, vừa huấn luyện sẵn sàng chiến đấu bảo vệ quê hương.

Thất bại nặng nề trong trận “Điện Biên Phủ trên không”¹, ngày 30-12-1972, Chính phủ Mỹ phải tuyên bố

1. Trong 12 ngày đêm không kích của máy bay Mỹ (18-29/12/1972), Thượng Giáo có 3 thanh niên xung phong hy sinh trong khi làm nhiệm vụ ở ga Lưu Xá, thành phố Thái Nguyên, bao gồm: Hoàng Thị Cát, Hoàng Thị Hạo, Triệu Văn Sính.

ngừng ném bom toàn miền Bắc và đề nghị nối lại đàm phán ở Pa-ri. Ngày 27-1-1973, Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam đã chính thức được kí kết. Hòa bình được lập lại trên miền Bắc, Thượng Giáo bước vào thời kỳ khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, tiếp tục chi viện cho chiến trường miền Nam.

Hiệp định Pa-ri được ký kết, song đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn vẫn âm mưu phá hoại Hiệp định, duy trì chế độ thực dân kiểu mới ở miền Nam, hòng chia cắt lâu dài đất nước ta. Tháng 7-1973, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 21 ra Nghị quyết chỉ rõ: “Trong khi đẩy mạnh xây dựng chủ nghĩa xã hội và củng cố quốc phòng, miền Bắc phải tiếp tục làm hậu phương lớn đối với miền Nam trên các mặt đấu tranh chính trị, kinh tế, quân sự, ngoại giao”.

Tháng 12-1973, Đại hội Chi bộ xã nhiệm kỳ 1973-1975 được tổ chức. Đồng chí Hoàng Kim Khoanh được bầu làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Lâm Văn Chí làm Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban hành chính xã).

Bước vào thời kỳ cách mạng mới, Chi bộ xã đã gắn nhiệm vụ chính trị với việc đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, lấy sản xuất lương thực, thực phẩm làm trọng tâm, coi trọng vấn đề thâm canh, thực hiện từng bước chuyên canh nhằm tăng nhanh sản lượng lương thực, hoa màu, cải thiện đời sống nhân dân. Những cán bộ, đảng viên có tinh thần trách nhiệm, có trình độ kỹ thuật được cử làm lãnh đạo các đội sản xuất, theo phương châm “xuống đội,

lội đồng”, kiểm tra kỹ thuật chăm bón... Ban Quản trị các hợp tác xã lãnh đạo xã viên cải tạo đồng ruộng và chuyên đổi cơ cấu mùa vụ, đưa các giống lúa mới như: Nông nghiệp 8, Nông nghiệp 22, Nông nghiệp 23... vào gieo cấy trên diện rộng.

Về chăn nuôi, Chi bộ đã chỉ đạo nhân dân từng bước đưa chăn nuôi lên thành ngành sản xuất chính, cân đối với trồng trọt. Ngoài ra, các hợp tác xã còn chăn nuôi thêm các loại gia cầm như: vịt, gà, ngan... phát triển thành đàn với số lượng hàng nghìn con. Nhìn chung, chăn nuôi tập thể đã có thành tích tốt, góp phần đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp và cung cấp thực phẩm cho chiến trường.

Sự nghiệp giáo dục tiếp tục được quan tâm. Phong trào “Hai tốt” được duy trì và phát triển, chất lượng giáo dục ngày càng đi lên. Ngoài học tập văn hóa, các em học sinh còn tích cực tham gia các phong trào “Làm nghìn việc tốt” và thực hiện “5 điều Bác Hồ dạy”, trồng cây, giữ gìn vệ sinh trong gia đình, thôn bản và ở trường học.

Đi đôi với sự nghiệp giáo dục, công tác y tế luôn được chú trọng. Đội ngũ cán bộ y tế xã được đưa đi đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, có ý thức tốt, nhiệt tình chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Hàng năm, công tác khám chữa bệnh được thực hiện tốt, hạn chế những ca bệnh nặng chuyển lên tuyến trên.

Công tác thông tin, tuyên truyền trong thời kỳ này tuy còn nhiều khó khăn do hệ thống truyền thanh chưa được xây dựng nhưng Chi bộ và chính quyền xã đã có nhiều

biện pháp phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đưa tin chiến thắng trên chiến trường tới từng thôn, bản nhằm cổ vũ cho phong trào sản xuất và thúc đẩy các hoạt động kinh tế - xã hội ở địa phương.

Bên cạnh đó, địa phương thực hiện tốt công tác hậu phương quân đội, quan tâm, chăm sóc gia đình quân nhân, thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ, đồng thời, khắc phục những khó khăn, thiếu thốn về kinh tế, giải quyết chế độ chính sách kịp thời. Việc báo tử, tổ chức lễ truy điệu liệt sĩ được tiến hành một cách chu đáo. Các đồng chí thương bệnh binh, bộ đội phục viên trở về địa phương được bố trí việc làm, công tác phù hợp, đảm bảo ổn định cuộc sống gia đình. Đây là lực lượng bổ sung cho đội ngũ lãnh đạo ở cơ sở, phát huy bản chất cách mạng, góp phần thúc đẩy phong trào quần chúng đi lên.

Công tác xây dựng Đảng đạt được nhiều thành tựu. Chi bộ tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị, học tập, triển khai Nghị quyết, Chỉ thị của Trung ương, Tỉnh ủy Bắc Thái, Huyện ủy Chợ Rã. Tiếp thu ánh sáng Nghị quyết của Đảng, cán bộ và nhân dân trong xã đã bước đầu xây dựng cho mình tư tưởng làm chủ, ý thức trách nhiệm đối với công việc chung. Bà con đoàn kết, nhất trí cùng nhau xây dựng cuộc sống mới, nhiệt tình lao động cho tập thể vì sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Chi bộ và chính quyền xã, các tổ chức quần chúng đã đẩy lên phong trào thi đua

yêu nước hết sức sôi nổi với tinh thần “Mỗi người làm việc bằng hai” vì miền Nam ruột thịt. Nhờ đó, công tác động viên tuyển quân của xã luôn đạt và vượt kế hoạch¹.

Đầu năm 1975, thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị về giải phóng hoàn toàn miền Nam khi thời cơ đến, cả miền Bắc, trong đó có Thượng Giáo đã dốc toàn lực chi viện sức người, sức của cho chiến trường. Đến 11 giờ 30 phút ngày 30-4-1975, Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của toàn dân tộc. Niềm vui miền Nam giải phóng, giang sơn thu về một mối đã tràn ngập khắp các thôn, bản và vào từng gia đình trong xã.

Nhìn lại chặng đường đi lên từ năm 1954-1975, trên mảnh đất giàu truyền thống đấu tranh kiên cường, Chi bộ và nhân dân Thượng Giáo đã trải qua nhiều thời kì lịch sử với những nhiệm vụ cụ thể khác nhau nhưng đều nhất quán thực hiện hai mục tiêu cách mạng là: xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Trong 21 năm, Chi bộ Đảng đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc hoàn thành cuộc vận động giảm tô, khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, tiếp tục hoàn thành cuộc cách mạng dân chủ đem lại ruộng đất cho nông dân, xây dựng quan hệ sản xuất mới dựa trên hai hình thức sở hữu: sở hữu toàn dân và tập thể; thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất,

1. Trong đợt động viên tháng 3-1975, xã Thượng Giáo có 11 người tham gia bộ đội. Trong đó, có 1 liệt sĩ là Hoàng Văn Ánh, 1 tử sĩ là Hoàng Văn Chức.